

BỘ TÀI LIỆU TẬP HUẤN

Dự án Tiếp cận Đất đai cho Phụ nữ Việt Nam (LAW)

Ảnh: ISDS



Các quyền đối với Đất đai và Tài sản trong Hôn nhân và Gia đình



USAID
TỪ NHÂN DÂN MỸ



ICRW

International Center
for Research on Women
where insight and action connect



Viện Nghiên Cứu Phát Triển Xã Hội
Institute for social Development Studies

Bộ công cụ này được thực hiện với sự tài trợ hào phóng của nhân dân Hoa Kỳ thông qua Cơ quan Phát triển Quốc tế Hoa Kỳ (USAID). Nội dung của Bộ công cụ này thuộc về trách nhiệm của ICRW và ISDS và không phản ánh quan điểm của USAID hay Chính phủ Hoa Kỳ

LỜI CẢM ƠN

Nhà tài trợ

Bộ công cụ này được thực hiện với sự tài trợ hào phóng của nhân dân Hoa Kỳ thông qua Cơ quan Phát triển Quốc tế Hoa Kỳ (USAID). Nội dung của Bộ công cụ này thuộc về trách nhiệm của ICRW và ISDS và không phản ánh quan điểm của USAID hay Chính phủ Hoa Kỳ.

Các tác giả bản tiếng Việt

Khuất Thu Hồng

Nguyễn Thị Vân Anh

Nguyễn Thị Phương Thảo

Vũ Xuân Thái

Gina Alvarado

Stella Mukasa

Zayid Douglas

Jennifer Schulzman

Chịu trách nhiệm xuất bản tiếng Việt

Nguyễn Thảo Linh

Jennifer Schulzman

Cơ quan thực hiện

Viện Nghiên cứu Phát triển Xã hội (ISDS)

Trung tâm Nghiên cứu Quốc tế về Phụ nữ (ICRW) và Viện Nghiên cứu Phát triển Xã hội trân trọng cảm ơn sự hợp tác của nguyên Thẩm phán Tòa án Nhân dân Tối cao Việt Nam Nguyễn Thị Tú, Nguyễn Hương Ngọc Quỳnh và Đỗ Mai Quỳnh Liên vì sự đóng góp của họ cho tài liệu này.

©2015 Trung tâm Nghiên cứu Quốc tế về Phụ nữ (ICRW) và Viện Nghiên cứu Phát triển Xã hội. Các nội dung của tài liệu này có thể được tái xuất bản mà không nhất thiết phải xin phép nhưng phải có lời cảm ơn ICRW

Nội dung

VỀ BỘ CÔNG CỤ NÀY.....	5
CÁC QUYỀN ĐỐI VỚI ĐẤT ĐAI VÀ TÀI SẢN TRONG HÔN NHÂN VÀ GIA ĐÌNH	7
THẾ NÀO LÀ HÔN NHÂN HỢP PHÁP	9
Thông tin cơ bản: Luật Hôn nhân và Gia đình 2014.	9
Bài giảng: Các hình thức hôn nhân hợp pháp.....	9
Bài giảng: Các loại hình hôn nhân hợp pháp ở Việt Nam	10
CÁC QUYỀN VỀ TÀI SẢN VÀ ĐẤT ĐAI TRONG HÔN NHÂN.....	12
Thông tin cơ bản: Các quyền về Tài sản/đất đai trong Hôn nhân	12
Bài giảng: Các quyền hợp pháp về tài sản của nam giới và phụ nữ trong hôn nhân và ngoài hôn nhân.....	12
LY THÂN VÀ LY HÔN	17
Thông tin cơ bản: Ly thân và Ly hôn.....	17
Bài giảng: Điều gì xảy ra khi cặp vợ chồng ly thân hay ly hôn?	17
Bài giảng: Điều gì xảy ra đối với tài sản khi ly thân hay ly hôn?	19
CÁC TRANH CHẤP VỀ TÀI SẢN: GIỚI THIỆU MỌI NGƯỜI TỚI ĐÂU ĐỂ ĐƯỢC GIÚP ĐỠ?.....	21
Thông tin cơ bản: Giải quyết tranh chấp	21
Bài giảng ngắn: Giải quyết tranh chấp chính thức và không chính thức	21
Tài liệu 1: Những điểm mới của Luật Hôn nhân Gia đình 2014	25
Tài liệu 2: Kết hôn và Hôn nhân theo luật định	26
Tài liệu 3: Kết hôn và Hôn nhân theo phong tục tập quán	29
Tài liệu 4: Các giấy tờ quan trọng liên quan tới kết hôn.....	31
Tài liệu 5: Luật pháp qui định về ly hôn đối với hôn nhân theo pháp luật – hôn nhân có đăng ký kết hôn	32
Tài liệu 6: Ly hôn đối với hôn nhân thực tế - không đăng ký kết hôn (kết hôn theo phong tục tập quán, tín ngưỡng, tôn giáo)	34
Tài liệu 7: Các quyền về đất đai/tài sản của phụ nữ khi ly thân và ly hôn	35
Tài liệu 8: Luật pháp qui định về các quyền hợp pháp về tài sản và chế độ tài sản của vợ, chồng trong hôn nhân và sau hôn nhân.....	37
Tài liệu 9: Các thể chế không chính thức tham gia giải quyết tranh chấp	42
Tài liệu 10: Các thể chế chính thức tham gia giải quyết tranh chấp	43
Tài liệu đọc 11: Thực hành đóng vai	44

Về bộ Công cụ này

Quyền tiếp cận, sử dụng và kiểm soát đất đai là quyền căn bản của con người được khẳng định trong Tuyên ngôn Quốc tế về Nhân quyền (và Công ước Xoá bỏ Mọi Hình thức Phân biệt đối xử chống lại Phụ nữ). Tiếp cận và kiểm soát đất đai hết sức quan trọng vì tài sản cho phép mọi người xây nhà và/hoặc duy trì cuộc sống cho bản thân và gia đình họ. Quyền sở hữu của cá nhân đối với nhà và đất có thể nâng cao quyền lực của cá nhân trong gia đình, cộng đồng và xã hội. Tuy nhiên, khả năng chiếm hữu và sử dụng đất phụ thuộc vào các mối tương tác phức tạp giữa các yếu tố pháp lý và xã hội. Trong khi cả phụ nữ và nam giới có thể bị từ chối quyền về đất và tài sản của họ, phụ nữ thường bị gạt ra ngoài do các chuẩn mực giới về xã hội và pháp lý, ngăn cản họ thực hiện các quyền đó của họ.

Dự án Tiếp cận Đất đai cho Phụ nữ (LAW) đề cập đến khoảng trống trong thực hiện quyền của phụ nữ về đất và tài sản. Dự án LAW được thực hiện bởi Trung tâm Nghiên cứu Quốc tế về Phụ nữ (ICRW) có trụ sở tại Washington và Viện Nghiên cứu Phát triển Xã hội (ISDS) có văn phòng tại Hà Nội, với sự tài trợ của Cơ quan Phát triển Quốc tế Hoa Kỳ (USAID). Dự án này nhằm nâng cao nhận thức của nông dân về quyền đối với đất đai, tăng cường khả năng thực hiện các quyền đó của họ, thu thập bằng chứng về các rào cản mà người nông dân gặp phải khi thực hiện quyền của mình, nâng cao năng lực cho các tổ chức xã hội dân sự và tổ chức quần chúng ở địa phương để vận động thực hiện luật pháp một cách bình đẳng cho phụ nữ và nam giới. Hoạt động chủ chốt của dự án là tổ chức và hỗ trợ nhóm các tình nguyện viên cộng đồng về bình đẳng giới (TNV) để họ giúp người nông dân, đặc biệt là phụ nữ nông dân ở Hưng Yên ở miền Bắc và Long An ở đồng bằng sông Cửu Long để cải thiện sự hiểu biết của họ về quyền đối với đất đai.

Bộ Công cụ Đào tạo về Giới và Quyền sở hữu cho tình nguyện viên cộng đồng về bình đẳng giới nhằm tăng cường sự hiểu biết về quyền sở hữu - cụ thể là các quyền đối với đất -- cho phụ nữ và nam giới như những công dân bình đẳng với nhau.

Tuy nhiên, trong thực tế, phụ nữ thường không được đối xử bình đẳng nên bộ tài liệu này sẽ tập trung làm rõ về các quyền của phụ nữ để học viên hiểu rõ hơn phụ nữ có những quyền gì, làm thế nào để phụ nữ nói về quyền của họ, và có những rào cản nào khiến phụ nữ khó thực hiện và bảo vệ được quyền của họ, đồng thời hướng dẫn thực hành giải quyết những vấn đề này.

Với Bộ Công cụ Đào tạo về Giới và Quyền sở hữu cho TNV, ICRW và ISDS nhằm nâng cao:

- Kiến thức của phụ nữ về quyền hợp pháp của họ đối với đất theo luật hiện hành, hiểu biết và sự công nhận quyền bình đẳng của phụ nữ và nam giới trước pháp luật Việt Nam đặc biệt là sự tiếp cận đối với quyền về đất của họ;
- Nhận thức về các thách thức liên quan đến giới trong thực hiện quyền đối với đất ở nông thôn;
- Nhận thức về khả năng của phụ nữ thực hiện và bảo vệ quyền đất đai trong khi tôn trọng các quyền của các công dân khác.

ICRW và ISDS tin rằng bước đầu tiên để đảm bảo quyền về đất là nâng cao nhận thức về quyền hợp pháp của mỗi người và nhấn mạnh rằng các quyền của phụ nữ được bảo vệ bởi luật pháp, và cũng quan trọng như các quyền của nam giới .

Bộ công cụ có 5 hợp phần, bao gồm:

- Quyền và giới ở Việt Nam
- Luật Đất đai và Giới ở Việt nam
- Quyền về nhà, đất trong Luật Hôn nhân & Gia đình ở Việt Nam
- Luật Thừa kế, Di chúc và Phụ nữ ở Việt Nam;
- Kỹ năng Giám sát của các TNV

Các hợp phần được thiết kế để giảng viên có thể sử dụng tất cả cùng một lúc hoặc chỉ tập trung vào một hợp phần nào đó. Tuy nhiên, các bạn nên bắt

đầu với Hợp phần 1 - Quyền và Giới ở Việt Nam, đặc biệt là cho các tình nguyện viên cộng đồng về bình đẳng giới chưa hoặc ít được tập huấn về giới hoặc về quyền. Hợp phần này sử dụng cách tiếp cận dựa trên quyền con người để giới thiệu về các quyền của phụ nữ, quyền về nhà, đất, và giới như một điểm khởi đầu tích cực cho các cuộc thảo luận về quyền đất đai của phụ nữ, theo kinh nghiệm của nhóm tác giả của bộ công cụ này¹ - Trung tâm Quốc tế Nghiên cứu về Phụ nữ và Viện Nghiên cứu Phát triển Xã hội.

Các hợp phần sử dụng các phương pháp khác nhau để lôi cuốn các học viên.

- Thông tin cơ bản giới thiệu tổng quát về nội dung mới, các khái niệm mới và thảo luận về các khía cạnh của giới. Giảng viên có thể sử dụng các thông tin ở phần này như một bài giảng ngắn, tài liệu đọc cho học viên hay như lời giới thiệu một chủ đề mới.
- Bài giảng cung cấp các thông tin cụ thể về

chủ đề của hợp phần. Giảng viên cần trình bày nội dung của bài giảng một cách rõ ràng và đầy đủ.

- Thảo luận thúc đẩy đối thoại trong nhóm, khuyến khích học viên đặt các câu hỏi và chia sẻ kinh nghiệm của họ về sự khác biệt giữa luật tục và luật pháp. Vai trò của giảng viên là hướng dẫn đối thoại hơn là trình bày thông tin.
- Bài tập tạo cơ hội cho học viên thực hành kỹ năng hay ý tưởng mới. Các bài tập có thể sử dụng để làm sáng tỏ hơn những nội dung trong phần giới thiệu, Bài giảng và Thảo luận.
- Tài liệu đọc ở cuối mỗi hợp phần: Giảng viên có thể được sử dụng trong khi tập huấn và các tình nguyện viên có thể sử dụng trong khi tư vấn cho người dân ở cộng đồng hay trong các hoạt động truyền thông thay đổi nhận thức.

1. Bộ Công cụ này bắt nguồn từ tài liệu do ICRW và Liên minh Đất đai Uganda cùng với các tình nguyện viên của Uganda thực hiện.

Bộ Công cụ này là tài liệu hướng dẫn hoạt động cho các tình nguyện viên cộng đồng về bình đẳng giới (TNV). Các hợp phần giới thiệu các thông tin về luật pháp nhằm giúp các TNV hỗ trợ cho người dân và tổ chức các hoạt động truyền thông ở cộng đồng.

Các quyền đối với Đất đai và Tài sản trong Hôn nhân và Gia đình

Luật Hôn nhân và Gia đình có hiệu lực từ ngày 1/1/2015 là tài liệu chủ chốt qui định các vấn đề về hôn nhân và gia đình; qui định những chuẩn mực pháp lý cho cách ứng xử giữa các thành viên gia đình; qui định những yếu tố qui định hôn nhân hợp pháp; các quyền và trách nhiệm trong hôn nhân và chấm dứt hôn nhân; trách nhiệm của các tổ chức, Nhà nước và xã hội trong việc xây dựng, củng cố hôn nhân và gia đình. Luật Hôn nhân và Gia đình cũng có những điều khoản qui định về chế độ sống chung như vợ chồng nhưng không đăng ký kết hôn theo luật pháp, và qui định về việc áp dụng tập quán về hôn nhân và gia đình.

Chế độ hôn nhân có tác động đáng kể tới các quyền về tài sản/ đất đai của phụ nữ và nam giới. Mặc dù vấn đề tài sản sẽ được thảo luận trong bối cảnh hôn nhân, điều quan trọng cần ghi nhớ là người phụ nữ vẫn có các quyền dù họ đang kết hôn, hay họ là người độc thân, đang ly thân hay đã ly hôn.

Mục đích của hợp phần này nhằm:

Giúp các TNV **hiểu rõ hơn về:**

- Các quyền của phụ nữ và nam giới đối với tài sản và đất đai, dù họ đã kết hôn hay chưa kết hôn;
- Các thủ tục, qui trình và văn bản tài liệu liên quan tới cuộc sống hôn nhân và gia đình.
- Những vấn đề về tài sản sau hôn nhân.

Giúp các TNV củng cố năng lực **truyền thông về:**

- Những phong tục, tập quán và những khuôn mẫu giới - hay là những thiên kiến giới đối với kết hôn, ly hôn hay ly thân có thể xâm phạm các quyền về tài sản của người phụ nữ như thế nào, đặc biệt xung quanh vấn đề đất đai và nhà ở.

- Các phong tục, tập quán không được đi ngược lại tuyên bố về bình đẳng nam nữ đã được ghi rõ trong Hiến Pháp như thế nào;

Các TNV sau khi được tập huấn sẽ **mang về địa phương mình:**

- Những kiến thức nhằm hỗ trợ và bảo vệ quyền về tài sản và đất đai của người vợ hoặc người chồng.
- Nhận thức rõ hơn rằng người phụ nữ có các quyền bình đẳng đối với nhà ở và đất đai khi ở ngoài cuộc hôn nhân và không bị lệ thuộc vào nam giới.

Các tài liệu đọc:

Kết thúc mỗi Phần là các tài liệu đọc để các TNV có thể sử dụng trong thời gian tập huấn, hoặc trong thời gian thực hiện các hoạt động tiếp cận cũng như các hoạt động nâng cao nhận thức cho người dân tại cộng đồng. Các tài liệu này bao gồm:

- Tài liệu đọc 1: Những điểm mới của Luật Hôn nhân Gia đình 2014
- Tài liệu đọc 2: Hôn nhân theo luật định;
- Tài liệu đọc 3: Hôn nhân theo theo phong tục tập quán;
- Tài liệu đọc 4: Các giấy tờ quan trọng liên quan tới hôn nhân;
- Tài liệu đọc 5: Luật pháp qui định về ly hôn và ly thân đối với hôn nhân theo luật định;
- Tài liệu đọc 6: Ly hôn và ly thân theo phong tục tập quán;
- Tài liệu đọc 7: Các quyền về đất đai/tài sản của phụ nữ khi Ly thân và Ly hôn;
- Tài liệu đọc 8: Qui định của pháp luật về

các quyền hợp pháp về tài sản và chế độ tài sản của vợ, chồng trong hôn nhân và sau hôn nhân;

- Tài liệu đọc 9: Các thể chế không chính thức tham gia giải quyết tranh chấp;
- Tài liệu đọc 10: Các thể chế chính thức tham gia giải quyết tranh chấp;
- Tài liệu đọc 11: Thực hành đóng vai [bài tập tự chọn]

Kết thúc hợp phần là là phần bài tập tự chọn- đó

là phần Thực hành đóng vai [Tài liệu đọc 11]. Nội dung của thực hành đóng vai là một câu chuyện về đôi vợ chồng đang có nguy cơ chia tay và TNV giải thích cho họ về các quyền của họ khi ly thân hay ly hôn theo luật định, bao gồm các quyền về tài sản trước hôn nhân, về đất đai, nhà ở; và ai có thể quyết định việc ly hôn. Thực hành đóng vai cần ít nhất 3 người tham gia. Thực hành đóng vai cũng có thể thay bằng việc đọc to câu chuyện.

Thời lượng: 8.5 giờ, chưa kể khoảng 3 giờ làm Bài tập Thực hành đóng vai.

Thế nào là hôn nhân hợp pháp

Thông tin cơ bản: Luật Hôn nhân và Gia đình 2014.

Các văn bản luật về gia đình ở Việt Nam trong hợp phần này căn cứ trên các luật cơ bản sau:

1. Hiến pháp nước CHXHCN Việt Nam
2. Luật Hôn nhân và Gia đình 2014;
3. Luật Dân sự [sửa đổi] 2005.

Bài giảng: Các hình thức hôn nhân hợp pháp.

Thực hiện một bài Bài giảng ngắn về các hình thức hôn nhân khác nhau được luật pháp công nhận tại Việt Nam. Đối với mỗi hình thức hôn nhân, thảo luận về các điều kiện, thủ tục thực hiện, các quyền và trách nhiệm đối với đất đai tài sản. Hãy sử dụng hai tài liệu đọc sau trong phần Bài giảng này:

- Tài liệu đọc 2: Hôn nhân theo luật định;
- Tài liệu đọc 3: Hôn nhân theo theo phong tục tập quán;

Thảo luận : Hôn nhân hợp pháp ở Việt Nam (1 giờ)

1. Động não quay vòng – lấy ý kiến nhanh của học viên theo từng câu hỏi đưa ra dưới đây. Ghi lại ý kiến của họ trên giấy khổ to/hoặc lên bảng.

- Hôn nhân là gì?
- Hiện nay ở Việt Nam và các nơi khác có thể có những loại hình hôn nhân và gia đình nào?

Gợi ý: Hôn nhân có thể là: hôn nhân một vợ một chồng; Hôn nhân nhiều vợ nhiều chồng [đa thê/đa phu/quần hôn]; hôn nhân giữa hai người cùng giới tính; Hôn nhân theo tục lệ nối dây, v.v. Gia đình có thể là: Gia đình hạt nhân; Gia đình nhiều thế hệ; gia đình đơn thân; gia đình đa thê, v.v

- Thế nào là “sống chung như vợ chồng”? Thế nào là hôn nhân thực tế?
- Các loại hình kết hôn hiện nay – Ai có thể

kết hôn với ai?

- Để hôn nhân được coi là hợp pháp thì việc kết hôn phải đáp ứng những điều kiện gì? Trường hợp nào thì hôn nhân bị coi là không hợp lệ hoặc bị coi là trái pháp luật? Những hành vi nào liên quan tới hôn nhân bị pháp luật nghiêm cấm?
2. Người điều hành đưa ra các định nghĩa chính thức trong Luật HNGĐ 2014 về hôn nhân, kết hôn, và sống chung như vợ chồng.
 3. Người điều hành tóm tắt các điểm dưới đây:
 - *Hôn nhân* bắt đầu một người nam giới và một người phụ nữ quyết định sống với nhau trên cơ sở tự nguyện dưới các hình thức hôn nhân được luật pháp công nhận tại Việt Nam, theo đó họ cần đi đăng ký kết hôn. Nếu họ không tiến hành các thủ tục cần thiết để kết hôn theo luật định thì hai người đó chưa được pháp luật công nhận là đã kết hôn. Hôn nhân được pháp luật công nhận là yếu tố quan trọng bởi vì luật qui định các quyền và nghĩa vụ đối với những người kết hôn hợp pháp, như quyền thừa kế, quyền về tài sản và duy trì gia đình.
 - *Sống chung* là khi một người nam và một người nữ sống với nhau như vợ chồng mà không tiến hành bất cứ một thủ tục nào để được xác nhận là hôn nhân hợp pháp. Sống chung như vợ chồng không được xác nhận là một hình thức quan hệ hôn nhân ở Việt Nam. Bởi sống chung không được coi là hôn nhân hợp pháp nên các cặp sống chung sẽ không được hưởng các quyền về đất và sự bảo vệ của pháp luật như các cặp kết hôn hợp pháp. Thí dụ, pháp luật chỉ bảo vệ khi trên giấy chứng nhận quyền sử dụng mảnh đất nơi hai người đang chung sống đang ở có ghi tên người phụ nữ [đứng tên một mình hay cùng với người chồng], còn nếu không thì người phụ nữ đó sẽ không được bảo vệ về mặt luật pháp để ngăn người chồng đang chung sống bán đất, hay cho thuê đất hay

sang tên mảnh đất mà hai người đang ở hoặc đang canh tác cho người khác.

Người điều hành khuấy động sự tham gia và tương tác tích cực của học viên bằng cách hỏi lớp học những điều họ biết về các điều kiện, thủ tục, trách nhiệm và các quyền đối với đất đai trong các loại hình hôn nhân/gia đình khác nhau ở Việt Nam. Người điều hành nhấn mạnh những điểm khác nhau trong việc quyền của người phụ nữ đối với tài sản và đất đai được bảo đảm hoặc bị thách thức như thế nào giữa hôn nhân theo luật định và hôn nhân theo phong tục tập quán - giữa hôn nhân hợp pháp và hôn nhân thực tế.

Ngoài ra, người điều hành cũng cần đảm bảo điều chỉnh những hiểu biết chưa đúng, những nhận thức sai lầm của học viên và nhấn mạnh những điều ghi trong luật. Thí dụ như đưa ra những yếu tố chưa thể minh chứng cuộc hôn nhân là hợp pháp, như việc cha mẹ hai bên đồng ý, hay việc gia đình đã tổ chức đám cưới.

Bài giảng: Các loại hình hôn nhân hợp pháp ở Việt Nam

Hôn nhân để được coi là hợp pháp trước hết phải thỏa mãn các điều kiện kết hôn được quy định tại Điều 8 của Luật Hôn nhân và Gia đình:

1. Nam từ đủ 20 tuổi trở lên, nữ từ đủ 18 tuổi trở lên;
2. Việc kết hôn do nam và nữ tự nguyện quyết định, không bên nào được ép buộc, lừa dối bên nào; không ai được cưỡng ép hoặc cản trở;

Hôn nhân để được coi là hợp pháp không được vi phạm những điều bị nghiêm cấm tại Khoản 2, Điều 5 của Luật này:

1. Người đang có vợ hoặc có chồng;
2. Người mất năng lực hành vi dân sự;
3. Giữa những người cùng dòng máu về trực hệ; giữa những người có họ trong phạm vi ba đời;
4. Giữa cha, mẹ nuôi với con nuôi; giữa người đã từng là cha, mẹ nuôi với con nuôi;
5. Giữa bố chồng với con dâu, mẹ vợ với con rể, bố dượng với con riêng của vợ, mẹ kế với con riêng của chồng;

Ngoài ra, việc kết hôn phải được đăng ký và do cơ quan nhà nước có thẩm quyền [gọi là cơ quan đăng ký kết hôn] thực hiện theo nghi thức mà pháp luật quy định. Những trường hợp kết hôn không đáp ứng những điều kiện kết hôn qui định trong Điều 8 và/hoặc điều 9 qui định về đăng ký kết hôn của Luật Hôn nhân và Gia đình đều bị coi là bất hợp pháp.

Trên thực tế đã có nhiều cặp vợ chồng không đáp ứng đủ các điều kiện kết hôn hợp pháp. Như những trường hợp kết hôn theo tập quán dân tộc, theo nghi lễ tôn giáo [tổ chức đám cưới theo phong tục, lễ kết hôn tại nhà thờ, v.v] có sự chấp thuận của gia đình, dòng họ và có sự chứng kiến của nhiều người [gia đình, họ hàng, người thân, hàng xóm]. Những trường hợp đó được coi là hôn nhân thực tế. Hôn nhân thực tế không phải là hôn nhân hợp pháp.

Do bối cảnh lịch sử - xã hội, trong quá khứ có rất nhiều trường hợp hôn nhân thực tế - vợ chồng kết hôn nhưng không đăng ký kết hôn. Nhằm mục đích bảo đảm quyền và lợi ích hợp pháp của công dân và tiến tới xoá bỏ tình trạng hôn nhân không đăng ký, chính phủ đã ban hành Nghị định số 77/2001/NĐ-CP ngày 22/10/2001 qui định chi tiết về kết hôn theo Nghị quyết số 35/2000/QH10 của Quốc hội ban hành ngày 9/6/2000, trong đó qui định về khuyến khích kết hôn và nghĩa vụ kết hôn đối với các trường hợp kết hôn thực tế - đối với các cặp vợ chồng như sau [qui định tại Khoản 1 và 2 của Điều 2 của Nghị định]:

+ Những trường hợp quan hệ vợ chồng xác lập trước ngày 03 tháng 01 năm 1987, mà chưa đăng ký kết hôn, thì được Nhà nước khuyến khích và tạo điều kiện thuận tiện cho đăng ký kết hôn. Việc đăng ký kết hôn đối với những trường hợp này không bị hạn chế về thời gian.

+ Nam và nữ chung sống với nhau như vợ chồng từ ngày 03 tháng 01 năm 1987 đến ngày 01 tháng 01 năm 2001 mà có đủ điều kiện kết hôn theo quy định của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2000, thì có nghĩa vụ đăng ký kết hôn. Từ sau ngày 01 tháng 01 năm 2003 mà họ không đăng ký kết hôn, thì pháp luật không công nhận họ là vợ chồng.

Thảo luận qua trường hợp cụ thể:

“Năm 1980 bà A và ông T tổ chức một lễ cưới đơn giản sau khi vợ ông mất một thời gian để lại 1 người con. Hai người sống với nhau nhưng không

đăng ký kết hôn và sinh thêm được 1 người con nữa. Sau 8 năm chung sống, ông T lại đòi bỏ bà A và dẫn về nhà một người phụ nữ khác”.

Câu hỏi: Đây có phải là hôn nhân thực tế và cuộc hôn nhân này có được coi là hợp pháp hay không?

Dưới đây là một vài câu hỏi bổ sung mà người điều hành có thể đưa ra để tiếp tục cuộc thảo luận này:

1. Luật Hôn nhân và Gia đình qui định như thế nào về việc áp dụng phong tục tập quán đối với hôn nhân gia đình? [*Gợi ý: qui định tại Điều 7, Luật Hôn nhân Gia đình*]
2. Việc áp dụng các bộ luật khác như Bộ luật Dân sự, luật Đất đai trong hôn nhân gia đình được qui định như thế nào? [*Gợi ý: qui định tại Điều 6, Luật Hôn nhân Gia đình*]

Thảo luận: Hôn nhân và sống chung như vợ chồng [1 giờ]

(có thể lựa chọn để thực hiện thay cho hoạt động Thảo luận trường hợp ở trên)

Chia học viên thành 4 nhóm. Mỗi nhóm nhận 1 bộ câu hỏi. Thành viên mỗi nhóm thảo luận về các câu hỏi của nhóm và viết các ý kiến trả lời lên giấy khổ to. Mỗi nhóm cử 1 đại diện trình bày kết quả thảo luận của nhóm mình.

Nhóm 1: Sự khác nhau giữa kết hôn và sống chung như vợ chồng là gì? Hôn nhân thực tế là gì? Hãy liệt kê những yếu tố/điều kiện để một cuộc hôn nhân được coi là hợp pháp?

Nhóm 2: Hãy liệt kê tất cả các loại hình hôn nhân và các loại hình gia đình hiện phổ biến ở Việt Nam. Quyền của người phụ nữ [mẹ, vợ, con gái] và nam giới đối với tài sản có gì khác nhau giữa những loại hình hôn nhân này?

Nhóm 3: Hôn nhân theo luật định có gì khác với hôn nhân theo phong tục tập quán, theo tôn giáo tín ngưỡng? Quyền đối với tài sản của phụ nữ và nam giới trong hôn nhân theo luật định và hôn nhân theo phong tục tập quán, tín ngưỡng có gì khác nhau?

Nhóm 4: Hãy liệt kê các điều kiện để kết hôn hợp pháp. Việc đi đăng ký kết hôn được tiến hành như thế nào? Những hành vi nào bị pháp luật nghiêm cấm trong lĩnh vực hôn nhân và gia đình? Hôn nhân không hợp pháp/trái pháp luật có những hậu

quả gì về mặt xã hội và luật pháp?

Thảo luận: Các Giấy tờ quan trọng về hôn nhân [30 phút]

Người điều hành sử dụng Tài liệu đọc 4 “*Các giấy tờ quan trọng của hôn nhân*,” để mô tả các bước đăng ký kết hôn ở đâu và như thế nào đối với từng loại hình hôn nhân, và mô tả những lợi ích của việc có Giấy Đăng ký kết hôn.

Lấy ý kiến nhanh về những lợi ích của việc có Giấy Đăng ký Kết hôn: Người điều hành yêu cầu học viên ghép thành cặp – hai người thảo luận trong khoảng 5 phút và liệt những điều có ích của giấy Đăng ký kết hôn. Sau đó các cặp lần lượt đưa ra ý kiến của mình – theo phương pháp lấy ý kiến vòng tròn: mỗi cặp chỉ đưa ra một ý kiến. Sau khi tất cả các cặp đã đưa ra ý kiến của mình, tiếp tục vòng 2.

Dưới đây là một số gợi ý về lợi ích của Giấy Đăng ký kết [ĐKKH] hôn trong trường hợp học viên chưa liệt kê đầy đủ:

- Giấy ĐKKH là minh chứng của cuộc hôn nhân hợp pháp. Điều này có nghĩa là cặp vợ chồng được hưởng một số quyền và nghĩa vụ nhất định theo qui định của pháp luật.
- Nếu cha mẹ có ĐKKH, quyền của các con sẽ được củng cố và bảo vệ bởi cả cha và mẹ, và các con được quyền thừa kế tài sản của cha mẹ trong trường hợp cha mẹ ly hôn hoặc một trong hai người hoặc cả cha và mẹ chết.
- Giấy ĐKKH sẽ giúp bảo vệ quyền của người góa vợ/góa chồng về thừa kế tài sản của người đã mất dễ dàng hơn.
- Giấy ĐKKH cần có khi tiến hành làm thủ tục đứng tên trên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của vợ/chồng.
- Giấy ĐKKH sẽ làm rõ hơn việc cần lấy ý kiến đồng ý của vợ/hoặc chồng nếu người kia muốn bán đất/hay chuyển nhượng đất của gia đình.
- Giấy ĐKKH bảo vệ quyền chia tài sản trong trường hợp chấm dứt hôn nhân.
- Giấy ĐKKH cần có trong trường hợp nhập hộ tịch cho vợ hoặc chồng.

• ...

Các quyền về tài sản và đất đai trong hôn nhân

Thông tin cơ bản: Các quyền về Tài sản/đất đai trong Hôn nhân

Theo Hiến pháp và các qui định pháp luật [Luật Hôn nhân và Gia đình, và Luật Dân sự, luật Đất đai] nam giới và phụ nữ đều có các quyền như nhau đối với đất đai và tài sản, với tư cách là cá nhân hay đồng sở hữu với những người khác. Khi hai người kết hôn, họ không bị mất đi những quyền này.

Tuy nhiên, khi hai vợ chồng sống với nhau, tài sản của hai vợ chồng – đâu là tài sản của riêng người vợ, đâu là tài sản của riêng người chồng, đâu là tài sản chung của hai vợ chồng – sẽ có nhiều yếu tố gây lúng túng. Ở Việt Nam, theo phong tục, tập quán, và nhất là quan niệm giới truyền thống, nhiều tài sản sẽ bị coi là thuộc về người chồng, hoặc của gia đình nhà chồng, thậm chí kể cả những tài sản mà người vợ có được trước khi kết hôn, hoặc do người vợ bỏ tiền của mình ra để chi trả.

Điều quan trọng đối với phụ nữ và nam giới là họ cần nắm rõ rằng họ có thể có tài sản riêng của mình trước khi kết hôn, trong thời gian hôn nhân và sau khi kết thúc cuộc hôn nhân.

Thảo luận: Tài sản của Vợ và của Chồng trên thực tế [45 phút]

1. Chia lớp thành 3 nhóm. Yêu cầu mỗi nhóm thảo luận theo các câu hỏi đưa ra dưới đây:
 - **Nhóm 1.** Trong một gia đình, tài sản nào thuộc về người nam giới, tài sản nào thuộc về người phụ nữ, và tài sản nào thuộc về cả hai người? Tài sản bao gồm đất đai, nhà cửa, cửa hàng, gia súc, và các vật dụng gia đình như xe máy, xe đạp, bàn, ghế, tủ, giường, nồi xoong, dụng cụ sản xuất, v.v.
 - **Nhóm 2.** Liệt kê càng nhiều càng tốt những quan niệm văn hóa, hay các qui định trong phong tục tập quán về tài sản trong gia đình mà các anh/chị biết. Những quan niệm nào hay các qui ước, qui định nào có lợi cho người phụ nữ và những

qui định, quan niệm nào không có lợi cho người phụ nữ?

- **Nhóm 3:** Điều gì xảy ra về mặt tài sản khi hai vợ chồng ly hôn hay ly thân? Trong những trường hợp đó, thông thường tài sản sẽ được phân chia như thế nào giữa hai người - Ai nhận được gì?
2. Yêu cầu mỗi nhóm đưa ra 1-2 thí dụ thực tế về việc chia sẻ/sở hữu tài sản giữa nam và nữ trong gia đình ở thôn/xóm của mình.
 3. Yêu cầu từng nhóm chia sẻ kết quả thảo luận với các nhóm khác.

Bài giảng: Các quyền hợp pháp về tài sản của nam giới và phụ nữ trong hôn nhân và ngoài hôn nhân.

Người điều hành thúc kết thảo luận bằng một bài trình bày ngắn gọn về các quyền hợp pháp về tài sản của nam giới và phụ nữ trong hôn nhân và sau khi kết thúc hôn nhân.

Người điều hành sử dụng Tài liệu đọc 8: “Luật pháp qui định về các quyền hợp pháp về tài sản và chế độ tài sản của vợ, chồng trong hôn nhân và sau hôn nhân” của Hợp phần này. Ngoài ra, Tài liệu đọc 1 và Tài liệu đọc 2 của Hợp phần Các Quyền và Vấn đề Giới ở Việt Nam và Tài liệu đọc 2 của Hợp phần Luật Đất đai và vấn đề Giới cũng có thể sử dụng để học viên nhớ lại. Dưới đây là một số ý chính:

Hiến pháp là kim chỉ nam cho các quyền của công dân, bao gồm cả quyền về tài sản. Điều 32 của Hiến pháp [sửa đổi] 2013 qui định rõ:

1. Mọi người có quyền sở hữu về thu nhập hợp pháp, của cải để dành, nhà ở, tư liệu sinh hoạt, tư liệu sản xuất, phần vốn góp trong doanh nghiệp hoặc trong các tổ chức kinh tế khác.
2. Quyền sở hữu tư nhân và quyền thừa kế được pháp luật bảo hộ.”

Đối với hôn nhân, Điều 36 của Hiến pháp qui định:

1. Nam, nữ có quyền kết hôn, ly hôn. Hôn nhân theo nguyên tắc tự nguyện, tiến bộ, một vợ một chồng, vợ chồng bình đẳng, tôn trọng lẫn nhau;
2. Nhà nước bảo hộ hôn nhân và gia đình, bảo hộ quyền lợi của người mẹ và trẻ em.

Hiến pháp qui định các quyền về tài sản của cả nam giới và phụ nữ đối với bất kỳ loại hình hôn nhân nào, miễn đó là hôn nhân hợp pháp:

- Tất cả mọi người – nam giới và phụ nữ – đều bình đẳng trước pháp luật trong mọi lĩnh vực của đời sống và được pháp luật bảo hộ [các điều 14 và 16].
- Hiến pháp nghiêm cấm bất kỳ điều luật nào, tập quán, văn hóa và tín ngưỡng phân biệt đối xử về giới hoặc chối bỏ các cơ hội của phụ nữ bình đẳng với nam giới. Nhà nước, xã hội và gia đình tạo điều kiện để phụ nữ phát triển toàn diện, phát huy vai trò của mình trong xã hội. [Điều 26]
- Phụ nữ đều bình đẳng với nam giới trong các quyền liên quan tới kết hôn, trong thời gian hôn nhân và có quyền chấm dứt hôn nhân nếu họ muốn và khi họ muốn. Nhà nước bảo hộ hôn nhân và gia đình, bảo hộ quyền lợi của người mẹ và trẻ em. [Điều 36]

Luật Hôn nhân và Gia đình 2014 qui định khá rõ ràng về chế độ tài sản của vợ chồng – theo luật định hoặc theo ước định-thỏa thuận của cặp vợ chồng về tài sản trước hôn nhân và trong thời gian hôn nhân.

Luật Dân sự 2005 [sửa đổi] qui định quyền bình đẳng của vợ chồng trong cuộc sống gia đình:

- Vợ, chồng bình đẳng với nhau, có quyền, nghĩa vụ ngang nhau về mọi mặt trong gia đình và trong quan hệ dân sự, cùng nhau xây dựng gia đình no ấm, bình đẳng, tiến bộ, hạnh phúc, bền vững. [Điều 40]
- Vợ, chồng hoặc cả hai người có quyền yêu cầu tòa án giải quyết việc ly hôn. [Điều 42]

Tài sản chung – Tài sản riêng

- Phụ nữ đều bình đẳng với nam giới trong

các quyền về tài sản, họ có thể giữ tài sản cho riêng mình hoặc chia sẻ với những người khác và không ai được tước đoạt tài sản của họ mà không có lý do chính đáng. Trong hôn nhân, vợ hoặc chồng đều có quyền tài sản đối với tài sản chung hoặc tài sản riêng. Việc hợp nhất và/hoặc phân chia tài sản chung/ hoặc riêng trong thời gian hôn nhân đều có thể được thực hiện theo chế độ tài sản theo luật định hoặc theo thỏa thuận [Điều 219 của Bộ Luật Dân sự và Điều 28 của Luật Hôn nhân và Gia đình 2014]

- Tài sản chung của vợ chồng gồm tài sản do vợ, chồng tạo ra, thu nhập do lao động, hoạt động sản xuất, kinh doanh và những thu nhập hợp pháp khác của vợ chồng trong thời kỳ hôn nhân. Tài sản vợ chồng được thừa kế chung hoặc được tặng cho chung và những tài sản khác mà vợ chồng thỏa thuận là tài sản chung [Điều 33, Luật Hôn nhân và Gia đình 2014].
- Quyền sử dụng đất mà vợ chồng có được sau khi kết hôn là tài sản chung của vợ chồng. Quyền sử dụng đất mà vợ hoặc chồng có được trước khi kết hôn hay được thừa kế riêng chỉ là tài sản chung khi vợ chồng có thỏa thuận.
- Luật Hôn nhân và Gia đình 2014 qui định về chế độ tài sản của vợ và chồng tại các Điều trong Chương 2, Mục 3 – bao gồm các qui định về tài sản chung của vợ chồng và tài sản riêng có được trước hôn nhân và trong thời gian hôn nhân; những nguyên tắc chung về chế độ tài sản của vợ, chồng; những qui định về việc chia tài sản chung trong thời gian hôn nhân, cũng như phân chia tài sản khi ly hôn.
- Pháp luật về hôn nhân và gia đình cũng quy định việc chia tài sản chung trong thời kỳ hôn nhân. Theo đó, trong trường hợp vợ chồng đầu tư kinh doanh riêng, thực hiện nghĩa vụ dân sự riêng hoặc có lý do chính đáng khác thì vợ chồng có thể thỏa thuận chia tài sản chung; việc chia tài sản chung phải lập thành văn bản. Kể từ thời điểm việc phân chia tài sản chung

có hiệu lực thì hoa lợi, lợi tức phát sinh từ tài sản đã được chia thuộc sở hữu riêng của mỗi người; phần tài sản còn lại không chia vẫn thuộc sở hữu chung của vợ chồng.

- Bộ Luật Dân sự quy định về sở hữu chung của vợ chồng tại Điều 219.
1. Sở hữu chung của vợ chồng là sở hữu chung hợp nhất.
 2. Vợ chồng cùng nhau tạo lập, phát triển khối tài sản chung bằng công sức của mỗi người; có quyền ngang nhau trong việc chiếm hữu, sử dụng, định đoạt tài sản chung.
 3. Vợ chồng cùng bàn bạc, thoả thuận hoặc uỷ quyền cho nhau chiếm hữu, sử dụng, định đoạt tài sản chung.
 4. Tài sản chung của vợ chồng có thể phân chia theo thoả thuận hoặc theo quyết định của Toà án.
- Đối với đất đai và tài sản gắn liền với đất như nhà ở, trong trường hợp đất và nhà ở thuộc tài sản chung của hai vợ chồng, Luật Đất đai 2013 [khoản 4, Điều 98] quy định rõ việc cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản phải ghi cả họ, tên vợ và họ, tên chồng vào Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất, trừ trường hợp vợ và chồng có thoả thuận ghi tên một người. Nếu như Giấy chứng nhận đã cấp chỉ ghi họ, tên của vợ hoặc chồng thì được cấp đổi sang Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất để ghi cả họ, tên vợ và họ, tên chồng nếu có yêu cầu.

Bảo vệ quyền về tài sản của vợ chồng.

Luật đặc biệt quy định việc bảo vệ quyền tài sản của các cặp vợ chồng kết hôn. Luật Hôn nhân và Gia đình 2014 quy định:

- Cả hai vợ chồng – trước khi một trong hai người tiến hành bất kỳ giao dịch nào

đối với đất đai/ nhà ở của gia đình cần có được sự đồng ý của người kia. Những giao dịch này bao gồm bán, đổi, thế chấp hay cho thuê đất. [Điều 35]

- Trong trường hợp giao dịch về nhà ở là nơi ở duy nhất của của vợ chồng phải có sự thoả thuận của hai vợ chồng. Nếu như nhà ở thuộc sở hữu riêng của vợ hoặc chồng thì chủ sở hữu có quyền tiến hành các giao dịch liên quan tới tài sản đó nhưng phải bảo đảm chỗ ở cho vợ chồng. [Điều 31]

1. Đặt câu hỏi: yêu cầu các học viên phân biệt sự những điểm giống nhau và những điểm khác nhau về quyền tài sản của phụ nữ và nam giới trong hôn nhân theo luật định và hôn nhân theo phong tục tập quán. Người điều hành gợi ý học viên sử dụng Tài liệu đọc 1 và 2 ở phần cuối của Hợp phần này để tham khảo.
2. Yêu cầu học viên tham khảo các thông tin về luật pháp để trả lời cho những câu hỏi dưới đây. Theo luật pháp, liệu rằng:
 - một người phụ nữ chưa kết hôn có được đất hay tài sản khác của riêng mình hay không? [Đáp án: Có]
 - một người phụ nữ đã kết hôn có được đất hay các tài sản khác của riêng mình hay không? [Đáp án: Có]
 - một người nam giới đã kết hôn có được đất hay các tài sản khác của riêng mình hay không? [Đáp án: Có]
 - một người chồng và một người vợ cùng đứng tên trên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất? [Đáp án: Có]
 - một người chồng bán mảnh đất mà gia đình đang trồng cấy mà không cần có sự đồng ý của vợ mình hay không? [Đáp án: Không]
 - một người vợ bán mảnh đất mà gia đình đang trồng cấy mà không cần có sự đồng ý của chồng mình hay không? ? [Đáp án: Không]
3. Người điều hành khuyến khích học viên chia sẻ các câu chuyện thực tế ở địa phương mình

và đặt câu hỏi để mọi người cùng thảo luận và người điều hành có thể giải đáp các thắc mắc.

Thảo luận trường hợp:

Đọc to từng trường hợp dưới đây và trả lời các câu hỏi đưa ra.

Trường hợp 1:

Chị Ánh và anh Bình trước khi cưới nhau mỗi người đã có một xe máy riêng. Sau đám cưới được 50 triệu tiền mừng cưới, cha mẹ đã cho 2 anh chị cả để 2 người làm ăn. Chị Ánh mang về 2 cây vàng trang sức của mẹ cho trước khi lấy chồng. Hai người sống riêng trên căn nhà nhỏ mà cha mẹ anh Bình đã xây trên mảnh đất anh được cha mẹ chia cho.

Anh dùng xe chở xe ôm, chị dùng xe chở đồ đi chợ, bán rau. Tiền mừng hai vợ chồng đầu tư và vay mượn thêm để thuê một đầm nuôi tôm. Những năm đầu tiên họ làm việc rất vất vả, dành dụm tiền để trả nợ. Dần dần việc làm ăn của họ ngày càng khấm khá, lời thu được ngày càng nhiều. Chị Ánh đã bán xe máy của mình để đổi một xe máy khác đẹp và tốt hơn. Họ mua thêm tủ lạnh, tivi màn hình phẳng, bộ ghế gỗ. Anh Bình bán xe máy, trả lại đầm tôm, bán 2 cây vàng của vợ và vay thêm tiền để mua một xe ô tô nhỏ chở hàng.

Anh chị bàn nhau bán nhà cha mẹ cho và dồn tiền mua một căn nhà nhỏ mặt đường làm cửa hàng buôn bán để chị kinh doanh. Kinh doanh có lời, anh mua cho chị Ánh bộ kiềng vàng trang sức trị giá 1.5 cây. Hai năm sau, anh Bình mua thêm một miếng đất để dự định xây một căn nhà cho 2 vợ chồng và đưa con.

Hỏi:

- Tài sản riêng của chị Ánh và anh Bình gồm những gì?
- Tài sản chung của 2 vợ chồng gồm những gì?
- Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của miếng đất anh mua đứng tên anh Bình có đúng không?
- Cửa hàng đứng tên anh Bình có đúng không? [vì anh Bình nói là tiền phần lớn lấy từ tiền bán nhà đất của anh]

Trường hợp 2:

Trong gia đình vợ chồng anh Thái – chị Huyền thì anh Thái là người mang lại thu nhập chính cho gia đình [anh làm kinh doanh]. Còn chị Huyền ở nhà lo chăm sóc con cái và làm nội trợ. Ngoài ra, chị đã bán sổ trang sức có được khi cưới để mua hai con bò nái về nuôi với ý định góp thêm thu nhập cho gia đình.

Đôi khi hai người xung đột, cãi nhau, anh Thái hay mắng chửi chị Huyền và cho rằng cơ ngơi của gia đình đều do anh một tay gây dựng. Chị lấy được anh là sướng một đời nên anh bảo gì chị phải nghe lời. Chị đi đâu, làm gì mà anh không đồng ý là không được. Chị muốn mua xe máy để đi chợ vì chợ khá xa nhưng anh không đồng ý vì cho rằng không cần thiết.

Còn anh tự mình quyết hết mọi việc, kể cả việc bán hai con bò của gia đình để mua cái TV màn hình phẳng. Anh cho rằng chị không làm ra tiền thì không có quyền quyết định việc gì trong nhà.

Hỏi: Anh Thái suy nghĩ như vậy có đúng không? Chị Huyền có những quyền gì?

Thảo luận: Tranh luận bảo vệ quan điểm (bài tập lựa chọn, khoảng 2 giờ)

Để thúc đẩy các quyền về tài sản của phụ nữ, các TNV sẽ thực hành tranh luận để thách thức các quan điểm đối lập. Hoạt động này giúp các TNV thực hành việc sử dụng các lập luận mang tính thuyết phục và sử dụng ngôn từ thuyết phục để giúp mọi người bắt đầu xem xét các quyền về tài sản của phụ nữ từ một góc độ khác.

Chuẩn bị:

Chia lớp thành 06 nhóm: 03 nhóm Ủng hộ quan điểm và 03 nhóm Phản đối quan điểm.

Công cụ cần chuẩn bị: ngoài giấy khổ to A0, bút viết bảng, cần chuẩn bị các tài liệu đọc như photocopy các luật liên quan của Việt Nam, và các nguồn trích dẫn khác để học viên có thể sử dụng làm căn cứ cho các lập luận của mình trong cuộc tranh luận.

Tranh luận 1:

Nhóm 1: Chỉ có con trai mới được hưởng nhà đất của cha mẹ.

Nhóm 2: Con gái cũng như con trai đều có quyền hưởng nhà đất của cha mẹ.

Tranh luận 2:

Nhóm 3: Chỉ cần một người [vợ hoặc chồng] đứng tên trên giấy tờ nhà đất

Nhóm 4: Cả hai vợ chồng cần đứng tên trên giấy tờ nhà đất.

Tranh luận 3:

Nhóm 5: Con gái không thể thờ cúng tổ tiên

Nhóm 6: Con gái cũng có thể thờ cúng tổ tiên

Phần 1. Tranh luận [1 giờ 30 phút]

1. Giải thích rằng cuộc tranh luận cần tuân thủ một số qui ước như sau:

- Một nhóm sẽ bảo vệ những nhận định được đưa ra và nhóm kia sẽ đưa ra những lập luận phản đối nhận định.
- Mỗi nhóm cần đưa ra những lý do rõ ràng cho lập luận của mình và trích dẫn nguồn thông tin mà họ sử dụng. Thí dụ, nếu nhóm sử dụng công ước quốc tế, họ cần nêu rõ đó là công ước nào.
- Nhắc các học viên rằng các nhóm đang thực hành đóng vai, vì vậy thành viên của nhóm không nhất thiết phải có cùng quan điểm với nhận định và lập luận mà nhóm đang bảo vệ trong cuộc tranh luận. Điều quan trọng là tất cả học viên đưa ra lập luận tốt nhất có thể để bảo vệ quan điểm của nhóm và có thể hiểu được các quan điểm/suy nghĩ khác về một vấn đề và thực hành việc đưa ra những lập luận thuyết phục nhưng tôn trọng quan điểm của người khác.

- Mỗi nhóm có khoảng 30 phút chuẩn bị lập luận của nhóm.
- Mỗi nhóm cử 2 người thay mặt nhóm để bảo vệ quan điểm.
- Tranh luận từng quan điểm nhiều nhất 15 phút.

2. Cần chắc chắn rằng mỗi nhóm có ít nhất một thành viên ăn nói lưu loát và có khả năng thuyết phục.
3. Tiến hành cuộc tranh luận: nhóm 1 tranh luận với nhóm 2; nhóm 3 tranh luận với nhóm 4; và Nhóm 5 tranh luận với Nhóm 6.
4. Trong lúc tranh luận, nhóm đối lập cần lắng nghe cẩn thận và không ngắt lời đối thủ. Thành viên nhóm có thể ghi lại và chuẩn bị một trình bày ngắn gồm các lập luận bác bỏ lập luận của đối thủ. Nhấn mạnh rằng do lập luận phản biện là sự trả lời cho lập luận của đối thủ nên người bảo vệ cần trích dẫn những điều mà đối thủ của nhóm đưa ra.

Phần 2. Thảo luận [30 phút]

1. Sau khi từng nhóm đã có cơ hội trình bày lập luận bảo vệ quan điểm và bác bỏ quan điểm của đối phương, cần dành thời gian để cả lớp cùng tự do thảo luận và chia sẻ suy nghĩ.
2. Tóm tắt nội dung cuộc thảo luận và các ý chính của từng phía.
3. Yêu cầu thành viên của nhóm “Ủng hộ” nhận định bổ sung thêm các lập luận mà họ có thể sử dụng nếu như họ là phe “Phản đối”, và ngược lại.
4. Yêu cầu học viên cho biết những lập luận nào hoặc quan điểm nào đưa ra từ cuộc tranh luận sẽ hữu ích/sẽ được ủng hộ khi họ làm việc tại địa bàn của mình.

Ly thân và ly hôn

Thông tin cơ bản: Ly thân và Ly hôn

Các cặp đôi nào cũng mong ước cuộc hôn nhân sẽ mãi hạnh phúc, nhưng thực tế lại không như vậy. Một số cuộc hôn nhân đã không được như ý và hai vợ chồng đã chọn giải pháp ly thân hoặc ly hôn. Các TNV có thể khuyên cặp vợ chồng tìm đến tư vấn để tìm hướng giải quyết các vấn đề của họ trong cuộc sống hôn nhân, hoặc có thể giúp cặp vợ chồng hòa giải. Nhưng đồng thời, TNV cần nắm rõ luật pháp để có thể đưa ra những lời khuyên để người vợ hoặc người chồng quyết định chọn lựa giải pháp ly hôn hay ly thân.

Hãy nhớ lưu ý rằng việc chung sống không đăng ký kết hôn không được coi là một loại hình hôn nhân hợp pháp ở Việt Nam, nên các qui định luật pháp về ly hôn không áp dụng hay bảo vệ quyền của các cặp sống chung khi họ quyết định chia tay, trừ những trường hợp sống chung như vợ chồng nhưng không đăng ký kết hôn trước ngày 3/1/1987 [xem thông tin ở trên].

Bài giảng: Điều gì xảy ra khi cặp vợ chồng ly thân hay ly hôn?

1. Lấy ý kiến nhanh.

- Thế nào là ly thân?
- Thế nào là ly hôn?

Từng người lần lượt đưa ra định nghĩa của mình về ly thân và ly hôn theo cách hiểu của riêng họ. Người điều hành ghi lại các ý kiến lên bảng hoặc lên giấy khổ to.

2. Người điều hành trình bày tóm tắt các khái niệm về ly hôn, ly thân, sự khác nhau giữa ly thân và ly hôn.

Ly thân.

Luật Hôn nhân và Gia đình hiện hành vẫn không có chế định về ly thân. Do luật không quy định nên không có một định nghĩa chính xác về ly thân. Một

cách hiểu đơn giản thì ly thân là tình trạng sống riêng/tách biệt giữa vợ và chồng, như là không ăn chung, không ở chung, không sinh hoạt vợ chồng trong một khoảng thời gian nhất định. Vẫn có những đôi vợ chồng tuy ly thân nhưng có thể vẫn ăn chung hoặc sống chung dưới một mái nhà.

Về mặt pháp lý, do không có chế định về ly thân nên không có cơ quan, tổ chức nào đứng ra giải quyết cho ly thân theo hướng ra quyết định hoặc bản án công nhận cho ly thân. Trong quy định về căn cứ cho ly hôn cũng không có quy định là vợ chồng phải sống ly thân một thời gian rồi mới được ly hôn. Vì vậy, hiện nay ly thân là chuyện riêng và thuộc quyền quyết định, thỏa thuận của mỗi cặp vợ chồng. Tuy nhiên, nếu sau một thời gian ly thân mà các bên vẫn không thể nào đoàn tụ được, lúc đó ly thân là cơ sở để tòa án xem xét giải quyết thủ tục ly hôn.

Ly thân không làm chấm dứt mối quan hệ pháp lý giữa vợ và chồng nên thời gian ly thân vẫn được xác định là trong thời kỳ hôn nhân – đang kết hôn [là khoảng thời gian tồn tại quan hệ vợ chồng, tính từ ngày đăng ký kết hôn đến ngày chấm dứt hôn nhân]. Vì vậy người vợ hay người chồng đều không thể kết hôn với người khác trong thời gian ly thân. Trong thời gian sống ly thân, người vợ và người chồng vẫn có đầy đủ các quyền và nghĩa vụ đối với con chung và tài sản. Đối với việc ly thân theo thỏa thuận, hai người có thể thỏa thuận với nhau về con cái, và tài sản hoặc các điều kiện mà hai người cần tuân thủ trong thời gian ly thân.

Ly hôn

Luật Hôn nhân và Gia đình 2014 định nghĩa như sau về ly hôn: *Ly hôn là việc chấm dứt quan hệ vợ chồng theo bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật của Tòa án* [Khoản 14, Điều 3].

Ly hôn là sự chấm dứt hoàn toàn cuộc hôn nhân. Ly hôn chỉ áp dụng cho những hình thức hôn nhân hợp pháp. Thủ tục ly hôn phụ thuộc vào hình thái

hôn nhân của cặp vợ chồng. Các thủ tục pháp lý đúng cần được thực hiện để cuộc ly hôn hợp lệ và để cuộc hôn nhân chấm dứt hoàn toàn. Một người rời bỏ hoặc bị đuổi đi không được coi là ly hôn hoặc không được coi là sự chấm dứt hợp pháp của một cuộc hôn nhân.

Luật Hôn nhân và Gia đình 2014 qui định các điều khoản liên quan tới ly hôn: quyền yêu cầu chấm dứt hôn nhân – ly hôn, thủ tục giải quyết ly hôn; các nguyên tắc giải quyết tài sản; cấp dưỡng, nuôi dạy con cái, v.v [từ Điều 51 tới Điều 64].

Luật Hôn nhân và Gia đình xác nhận quyền yêu cầu ly hôn của vợ hoặc của chồng [Điều 51, Chương IV, Mục 1]. Đồng thời người thân [cha, mẹ hoặc người thân khác] có quyền yêu cầu tòa án giải quyết ly hôn khi một bên vợ, chồng do bị bệnh tâm thần hoặc mắc bệnh khác mà không thể nhận thức, làm chủ được hành vi của mình, đồng thời là nạn nhân của bạo lực gia đình do chồng, vợ của họ gây ra làm ảnh hưởng nghiêm trọng đến tính mạng, sức khỏe, tinh thần của họ [Khoản 2, Điều 51].

Người chồng không được quyền yêu cầu giải quyết ly hôn nếu như người vợ đang mang thai, sinh con hoặc đang nuôi con dưới 12 tháng tuổi. [Khoản 3, Điều 51]

Bảng dưới đây tóm tắt sự khác nhau giữa ly thân và ly hôn:

Ly thân	Ly hôn
Mang tính tạm thời và không chấm dứt cuộc hôn nhân.	Mang tính kết thúc hoàn toàn. Cuộc hôn nhân chấm dứt.
Ly thân không có chế định về mặt pháp luật. Đây là quyết định/hoặc thỏa thuận riêng tư của vợ và chồng.	Ly hôn tuân theo chế định về ly hôn của pháp luật

Các quyền và nghĩa vụ trong hôn nhân vẫn duy trì trong thời gian ly thân.	Các quyền và nghĩa vụ trong hôn nhân chấm dứt.
Người chồng và người vợ vẫn còn đang thuộc tình trạng kết hôn hợp pháp. Họ đang tìm cách xử lý mối quan hệ của họ và chăm sóc các con.	Hai bên không còn là chồng và vợ nữa. Tài sản được chia cho 2 bên và việc nuôi các con đã được thỏa thuận hoặc tòa án đã ra quyết định về việc nuôi con.
Hai bên không thể kết hôn với một người khác	Hai bên có thể tái hôn do họ không còn là vợ chồng của nhau nữa.

Việc có được đủ các giấy tờ đúng thủ tục của cuộc hôn nhân là yếu tố quan trọng để minh chứng cho tính hợp pháp của cuộc hôn nhân. Cũng như vậy, có được đầy đủ các giấy tờ đúng thủ tục khi ly hôn cũng quan trọng không kém. Các loại giấy tờ đó là minh chứng rằng cuộc hôn nhân đã chấm dứt trong trường hợp hai bên muốn tái hôn.

- Có thể xảy ra hai tình huống: thuận tình ly hôn và đơn phương ly hôn. Đối với một cuộc ly hôn theo luật định, tòa án sẽ ra quyết định về ly hôn trong đó ghi rõ cuộc hôn nhân không còn tồn tại nữa.
- Đối với một cuộc ly hôn theo phong tục tập quán/ ly hôn trong trường hợp hôn nhân thực tế, thỏa thuận của hai bên là bằng chứng chấm dứt cuộc hôn nhân.

Tòa án sẽ quyết định về việc giám hộ/nuôi con sau khi hôn nhân đã được giải quyết theo luật định [từ Điều 81 tới 84 của Luật Hôn nhân và Gia đình 2014]. Tòa án xem xét trong hai vợ chồng ai sẽ có điều kiện tốt hơn cả để chăm nuôi con cái và đáp ứng các nhu cầu của chúng. Tuổi, giới tính, cảm xúc và mong muốn của các con (cần hỏi mong muốn của con nếu con đủ từ 7 tuổi trở lên) cũng được tòa xem xét trong quá trình ra quyết định. Việc nuôi con được tòa án quyết định theo từng

trường hợp cụ thể. Con nhỏ dưới 36 tháng cần để theo mẹ ngoại trừ trường hợp người mẹ không có đủ điều kiện nuôi dưỡng và chăm sóc con, hoặc cha mẹ có thỏa thuận khác vì lợi ích của con.

Thảo luận: Thủ tục để thực hiện việc ly thân và ly hôn [1 giờ]

Bắt đầu bằng việc giải thích sự khác biệt giữa ly thân và ly hôn. Có thể sử dụng bảng về sự khác nhau giữa ly thân và ly hôn ở trên.

Sử dụng Tài liệu đọc số 4, 5, và 6 để xây dựng một bài giảng ngắn về căn nguyên, thủ tục và các thể chế tham gia trong quá trình làm thủ tục ly thân hay ly hôn đối với các cuộc hôn nhân theo luật định và theo luật tục.

Đặc biệt lưu ý tới phần nội dung trong tài liệu đọc đó: “*Ai có quyền hạn về tình huống ly thân hay ly hôn*” để nhấn mạnh rằng **Tòa án Nhân dân tại địa phương** có quyền hạn ra quyết định về việc ly hôn. Không sống chung với nhau không có nghĩa là cặp vợ chồng đã ly hôn. Một người đuổi người khác ra khỏi nhà, hoặc một người rời bỏ người khác chưa phải là ly hôn.

Hãy khuấy động sự tham gia, tương tác tích cực của học viên với bài giảng bằng cách hỏi lớp học những điều họ biết về các điều kiện, thủ tục, trách nhiệm của cả hai bên trong trường hợp ly thân hoặc ly hôn, cũng như về các quyền của hai bên về tài sản. Cần đảm bảo để điều chỉnh những hiểu biết/nhận thức sai lầm học viên và nhấn mạnh những điều ghi trong luật.

1. Chia lớp thành 6 nhóm. Mỗi nhóm thảo luận và liệt kê tất cả các quyền và nghĩa vụ của người vợ và người chồng trong các trường hợp ly hôn dưới đây:

A: Trường hợp kết hôn có giấy đăng ký kết hôn (kết hôn theo luật định)

- Quyền về tài sản – phân chia tài sản như thế nào trong trường hợp hai vợ chồng thuận tình ly hôn?
- Quyền về tài sản – phân chia tài sản như thế nào trong trường hợp một bên đơn

phương đưa đơn ly hôn?

- Trách nhiệm nuôi dưỡng con cái như thế nào?

B: Trường hợp kết hôn/sống chung như vợ chồng nhưng không đăng ký – hôn nhân thực tế: Ở địa phương thì việc phân chia tài sản như thế nào khi hai vợ chồng ly hôn?

- Quyền về tài sản – phân chia tài sản như thế nào trong trường hợp hai vợ chồng thuận tình ly hôn?
- Quyền về tài sản – phân chia tài sản như thế nào trong trường hợp một bên đơn phương đưa đơn ly hôn?
- Trách nhiệm nuôi dưỡng con cái như thế nào?

2. Đại diện từng nhóm trình bày và so sánh sự khác nhau về quyền tài sản và nghĩa vụ đối với trường hợp ly hôn theo luật định và ly hôn khi không có giấy đăng ký kết hôn. Nhấn mạnh những khác biệt về mức độ rủi ro mà người phụ nữ có thể gặp phải trong các loại hình hôn nhân này.
3. Người điều hành tóm tắt cuộc thảo luận và trả lời các câu hỏi của học viên. Người điều hành/ hoặc luật sư tóm tắt ngắn gọn những qui định của luật việc phân chia tài sản, quyền nuôi dưỡng con, nơi ở của vợ và chồng khi ly hôn.

Bài giảng: Điều gì xảy ra đối với tài sản khi ly thân hay ly hôn?

Khi một cuộc hôn nhân kết thúc, hoặc khi hai vợ chồng ly thân, tài sản cần phải được phân chia. Khi kết hôn, người nam giới và người phụ nữ có thể đem theo tài sản riêng của mình. Thường thì các đôi vợ chồng sẽ có một số tài sản chung trong thời gian hôn nhân, là số tài sản mà họ đã góp từ tài sản riêng, hoặc cùng nhau gây dựng và làm gia tăng số tài sản chung khi họ còn là vợ chồng của nhau. Điều quan trọng là cần nắm rõ các quyền về tài sản của người phụ nữ khi ly hôn và khi ly thân. Một hiện tượng khá phổ biến đối với phụ nữ ly hôn là việc nhiều người đã bị thiệt thòi khi phân chia tài

sản chung, là sản mà họ đã đóng góp công sức để có được, thậm chí họ còn bị mất cả tài sản của riêng cá nhân họ. Điều này xảy ra một phần là do quan niệm văn hóa, định kiến về giới truyền thống cho rằng chỉ có đàn ông mới có thể sở hữu tài sản, đặc biệt là đất và nhà ở.

Theo quy định tại Điều 59 Luật Hôn nhân và gia đình 2014 thì nguyên tắc giải quyết tài sản chung khi ly hôn thì **trước hết dựa trên thỏa thuận của hai vợ chồng**; nếu nếu không thỏa thuận được thì một trong hai người, hoặc cả hai vợ chồng có thể đưa đơn yêu cầu tòa chia tài sản theo qui định của pháp luật. Tòa án giải quyết theo quy định của luật là chia đôi, nhưng có xem xét hoàn cảnh của mỗi bên, tình trạng tài sản, công sức đóng góp của mỗi

bên vào việc tạo lập, duy trì, phát triển tài sản này; và lỗi của mỗi bên trong vi phạm quyền và nghĩa vụ của vợ chồng. Lao động của vợ, chồng trong gia đình được coi như lao động có thu nhập. Luật pháp bảo vệ các quyền và quyền lợi hợp pháp của người vợ, của các con nhỏ hay con đã thành niên nhưng không có tài sản riêng, hoặc do khuyết tật về thể chất hoặc về tâm thần mà không có khả năng tự nuôi sống bản thân.

Tài sản tạo ra trong thời kỳ ly thân và về thực tế vẫn là thời kỳ hôn nhân nên về nguyên tắc sẽ chia đôi, tuy nhiên Tòa án sẽ phải xem xét công sức đóng góp của mỗi người để có sự phân chia hợp lý.

Các tranh chấp về tài sản: Giới thiệu mọi người tới đâu để được giúp đỡ?

Thông tin cơ bản: Giải quyết tranh chấp

Một loạt các thể chế tham gia giải quyết các tranh chấp liên quan tới tài sản trong gia đình. Thường thường, bản chất và mức độ của vấn đề sẽ xác định xem thể chế nào phù hợp nhất trong việc xử lý tranh chấp.

Trong xử lý các tranh chấp, trước hết việc hòa giải được khuyến khích thực hiện trong qui trình giải quyết pháp lý chính thức. *Luật Hòa giải cấp Cơ sở* do Quốc hội ban hành năm 2013 khuyến khích các bên giải quyết mâu thuẫn, tranh chấp bằng hình thức hòa giải cấp cơ sở và các hình thức hòa giải khác; và khuyến khích những người có uy tín trong gia đình, dòng họ, cộng đồng dân cư tham gia hòa giải cơ sở và tham gia các hình thức hòa giải thích hợp khác; Tạo điều kiện hỗ trợ cho hoạt động hòa giải ở cơ sở; khuyến khích tổ chức, cá nhân đóng góp, hỗ trợ cho hoạt động hòa giải ở cơ sở. [Điều 5]

Như vậy, các đối tượng đang có tranh chấp sẽ được khuyến khích đầu tiên là giải quyết vấn đề một cách thân tình trước khi đưa vụ việc lên các thể chế chính thức, như đưa nhau ra tòa. Điều này có nghĩa là khuyến khích giải quyết xung đột và tạo dựng hòa bình từ những đơn vị nhỏ nhất của xã hội – đó là từ gia đình và thôn xóm. Luật này cũng định nghĩa *hòa giải cơ sở* là việc hòa giải viên hướng dẫn, giúp đỡ các bên đạt được thỏa thuận, tự nguyện giải quyết với nhau các mâu thuẫn, tranh chấp.

Như vậy, các TNV có thể thực hiện qui trình hòa giải xung đột tại cấp gia đình và cộng đồng. Tuy nhiên, nếu như TNV thất bại trong việc hòa giải thành công một trường hợp, người đó cần biết giới thiệu tiếp khách hàng/đối tượng hòa giải tìm đến đâu để giải quyết vấn đề của họ, bao gồm hòa giải chính thức của luật sư, hay một tổ chức chính quyền như trung tâm trợ giúp pháp lý hay tòa án

nhân dân huyện, hay thẩm phán của tòa án sơ thẩm/ cán bộ tòa án của địa phương.

Bài giảng ngắn: Giải quyết tranh chấp chính thức và không chính thức

1. Người điều hành giải thích có hai loại hình dịch vụ trợ giúp giải quyết xử lý các xung đột, tranh chấp. *Các thể chế giải quyết tranh chấp không chính thức* không phải là một phần của hệ thống tư pháp chính thống nhưng có thể giúp cung cấp thông tin cho người dân về các quyền của họ, đưa ra những lời khuyên và hòa giải. Các thí dụ đó là: TNV, các tổ hòa giải, các cuộc họp dòng họ, các cuộc họp gia đình.

Các thể chế giải quyết tranh chấp chính thức là một bộ phận của hệ thống luật pháp tư pháp chính thống. Thí dụ: Tòa án địa phương, Tòa xử sơ thẩm, và Tòa án tối cao.

Bất kể đó là thể chế chính thức hay không chính thức, bất kỳ quyết định nào hay lời khuyên nào được đưa ra cần nằm trong khuôn khổ của luật pháp và hỗ trợ các quyền bình đẳng của phụ nữ.

2. Sử dụng Tài liệu đọc 7 và 8 để xây dựng một bài giảng ngắn về vai trò, sự ủy thác, thẩm quyền xét xử của các thể chế xử lý tranh chấp. Trong khi trình bày bài giảng, hãy yêu cầu các học viên chia sẻ những kinh nghiệm tích cực và tiêu cực của chính họ khi làm việc với từng thể chế đó.

Thực hành: Nghiên cứu trường hợp chuyên gửi [45 phút]

Phần này nhằm để các học viên thực hành việc giới thiệu chuyên gửi khách hàng tới các cơ quan, ban ngành, tới các cấp cao hơn thông qua một số trường hợp cụ thể.

1. Chia học viên thành từng nhóm nhỏ. Tùy thuộc vào số lượng học viên mà Người điều hành sẽ quyết định cho tất cả các nhóm làm việc với tất cả các trường hợp, hoặc chia các trường hợp cho các nhóm.
2. Yêu cầu các nhóm đọc kỹ các trường hợp được giao [xin xem bên dưới, tuân theo chỉ dẫn và xác định xem:
 - họ cần biết thêm thông tin nào nữa;
 - văn bản nào họ có thể yêu cầu; và
 - họ có thể giới thiệu khách hàng tới đâu, và tại sao lại tới nơi đó?
3. Từng nhóm trình bày kết quả làm việc nhóm và giải thích về các lời khuyên của họ về thông tin, về văn bản tài liệu và nơi chuyển gửi khách hàng;
4. Sử dụng hướng dẫn dành cho giảng viên/người điều hành về các trường hợp nghiên cứu để chắc chắn là tất cả các ý chính đã được đề cập trong cuộc thảo luận;
5. Tóm tắt phần thực hành này bằng việc giải thích tầm quan trọng của việc chuyển gửi đúng nơi, đúng người.

Chỉ dẫn: Trả lời các câu hỏi sau cho từng trường hợp mà nhóm được phân công:

1. Khách hàng yêu cầu được giúp đỡ về vấn đề chính nào?
2. Với tư cách là TNV, Anh/chị cần tìm hiểu thêm những thông tin nào trước khi Anh/chị đưa ra lời khuyên cho khách hàng hoặc giới thiệu khách hàng tới nơi khác?
3. Anh/chị có thể khuyên cáo khách hàng cần mang theo những giấy tờ, tài liệu nào khi giới thiệu họ tới một cơ sở khác?
4. Anh/chị có thể tự mình bắt đầu việc hòa giải trường hợp này như thế nào?
5. Nếu Anh/chị không thể hòa giải thành công

trường hợp này, Anh/chị sẽ định giới thiệu khách hàng của mình tới đâu? Tại sao lại tới đó?

Trường hợp 1

Kính gửi TNV,

Hiện tại tôi có gia đình, có 2 con nhỏ, một bé gái 7 tuổi và một bé trai 3 tuổi. Căn nhà tôi đang ở thì giấy tờ đất đứng tên mẹ chồng. Nhưng 2 vợ chồng chúng tôi đã trả tiền cho mẹ và chúng tôi đã xây nhà trên mảnh đất đó. Thời gian gần đây, do tôi thường xuyên phải đi làm xa nhà, và hay mâu thuẫn nhau nên chồng tôi đòi ly hôn. Tôi không muốn điều này nhưng chồng tôi đã đâm đơn xin đơn phương ly hôn.

Tôi muốn hỏi sau khi ly hôn tôi có quyền để được phân chia tài sản mà tôi đã đóng góp không? Chồng tôi không có thời gian ở gần con cái nên đã gửi con về ông bà nội nhờ trông hộ. Tôi đang xin về làm việc ở gần nhà để có thời gian ở gần con và chăm sóc nuôi dạy con nhiều hơn. Sau khi ly hôn tôi có thể đòi hỏi nhận con về chăm sóc được không?

Trường hợp 2

Kính gửi TNV,

Vợ chồng tôi đã có với nhau 2 đứa con. Nhưng chồng tôi đã đòi ly hôn mà không đưa ra lý do rõ ràng nào hết. Hiện nay chồng tôi đã mua một căn nhà và đã dọn ra đó ở. Trước kia cơ quan chồng tôi đã phân cho anh ấy một căn nhà tập thể, tôi đã tu sửa lại căn nhà đó để hai vợ chồng sinh sống. Bây giờ anh ấy đòi lại căn nhà đó để bán đi và muốn đuổi tôi ra khỏi nhà đó. Chúng tôi làm đám cưới có đăng ký kết hôn và đã sống với nhau được hơn 20 năm. Hai đứa con của chúng tôi, một đã đi học xa và một đã về nhà chồng. Căn nhà đó khi nhà nước hóa giá đã đứng tên chồng tôi. Tôi cũng là công nhân viên chức về hưu và đã đóng góp tiền ra để sửa sang lại căn nhà đó. Liệu tôi có phải ra khỏi căn nhà đó hay không? Tôi có thể giải quyết tình cảnh này như thế nào?

Trường hợp 3

Kính gửi TNV,

Tôi và chồng tôi đã có với nhau hai đứa con, nhưng rồi do mâu thuẫn mà chúng tôi đã ly hôn năm 1999. Chồng tôi thỏa thuận để lại căn nhà cho tôi, để 2 con ở với tôi, lấy một số tiền đền bù [tôi vay mượn để đưa cho chồng] và đi nơi khác làm ăn. Hai năm sau [2001], do làm ăn thua lỗ, chồng tôi lại quay về và tỏ thái độ ăn năn, muốn quay lại sống với tôi. Nghĩ tới 2 đứa con còn nhỏ nên tôi đã đồng ý để ông ấy quay về sống với mẹ con tôi. Chúng tôi sống với nhau nhưng không đi đăng ký kết hôn lại. Sống với tôi, thời gian đầu anh ta còn cố làm này kia, nhưng rồi cũng không thành công, trang trải nợ nần, xây lại nhà, lo việc học cho con, nuôi con, sắm sửa trong nhà chủ yếu đều từ thu nhập của tôi. Khi li hôn tôi đã cắt hộ khẩu của chồng. Tới nay, công việc kinh doanh của tôi phát đạt, tôi đã có cửa hiệu kinh doanh riêng. Hàng ngày chồng tôi giúp tôi buôn bán. Vừa rồi, tình trạng sức khỏe không tốt nên tôi muốn bán căn nhà nói trên để mua nơi khác ở, nhưng chồng tôi không đồng ý và muốn để lại cho con trai, mục đích sau này thờ phụng. Tôi không đồng ý vì tôi đã ly hôn, nhà cửa đã không còn liên quan gì đến chồng hay gia đình chồng cả.

Vậy xin hỏi việc mua bán nhà này cần phải làm thủ tục gì? và nếu bán nhà thì chồng tôi có quyền đòi chia tiền bán nhà hay không? tôi xin chân thành cảm ơn.

Trường hợp 4

Dũng là giáo viên với lương tháng khoảng 4 triệu đồng. Vợ anh là Mai, là y tá làm việc tại bệnh viện đa khoa huyện với lương khoảng 2 triệu đồng. Hai người đã kết hôn được 3 năm nhưng vẫn chưa có con. Hai vợ chồng đang sống tại khu tập thể của giáo viên. Dũng đứng tên mảnh đất trên đó đã có một căn nhà bán kiên cố ở làng quê không xa, đây là căn nhà anh được thừa kế từ người cha. Hai vợ chồng trồng trong vườn nhà các loại cây trồng như chuối, đậu, rau. Cứ hàng tuần hai vợ chồng lại về nhà để làm vườn và mang các loại rau cỏ thu được từ vườn nhà lên để nấu ăn.

Gần đây, Dũng muốn bán căn nhà để mua ô tô làm phương tiện chở hàng thuê để kiếm thêm thu nhập cho hai vợ chồng. Anh đã gặp được anh Phú là người muốn mua căn nhà. Khi Dũng bàn với vợ, nhưng chị Mai không đồng ý vì chị Mai cho rằng căn nhà là tài sản duy nhất của hai vợ chồng và việc mua xe để chở hàng không phải là một cách hay. Tuy vậy, Dũng vẫn nói với Phú là họ sẵn sàng bán căn nhà với giá thỏa thuận vì căn nhà là tài sản của anh trước khi kết hôn nên theo phong tục địa phương, người vợ không có tiếng nói gì đối với căn nhà đó. Hơn nữa, hai vợ chồng không sống ở đó, họ đều đi làm có lương. Nhưng anh Phú, theo lời khuyên của người bạn luật sư, vẫn kiên quyết yêu cầu Dũng phải lấy được chữ ký đồng ý của vợ. Do vợ anh vẫn nhất định không chịu ký tên đồng ý bán căn nhà nên anh Dũng tìm tới TNV để hỏi ý kiến và xin lời khuyên.

Hướng dẫn dành cho Giảng viên/Người điều hành: Các ý chính rút ra từ trường hợp thảo luận

Trường hợp nghiên cứu 1

- Câu hỏi chính là liệu có bất cứ giấy tờ nào hay chứng cứ nào chứng minh người vợ có đóng góp trong việc trả tiền căn nhà cho mẹ chồng và đóng góp vào việc xây sửa nhà cửa/ mua sắm tài sản trong nhà hay không?
- Giấy chứng nhận sử dụng đất/sở hữu nhà hiện nay đứng tên ai? Khi trả hết tiền đất cho mẹ rồi thì có giấy tờ biên nhận hay không để chứng minh đã trả tiền miếng đất cho mẹ. Sau đã mua lại căn nhà của mẹ thì người đứng tên trong sổ đỏ đứng tên ai?
- Nếu quá trình hòa giải không thành công, người vợ có thể kiện ra tòa án địa phương.

Trường hợp nghiên cứu 2

- Học viên cần mô tả được liệu căn nhà có thể là một phần tài sản của hôn nhân hoặc của gia đình căn cứ trên những điều họ đã học được.

- Người vợ có quyền đòi hỏi hợp pháp đối với nhà đất của gia đình.
- Do hai người vẫn còn đang kết hôn [dù đã ly thân], người chồng vẫn phải lấy chữ ký đồng ý của người vợ khi tiến hành giao dịch đối với căn nhà đó [bán hay cho thuê, v.v].
- Nếu khách hàng đề cập tới việc chấp thuận ly hôn, họ cần gửi đơn ly hôn lên tòa án quận/huyện và tòa sẽ quyết định về việc phân chia tài sản.
- Luôn khuyên hai bên hòa giải trước khi đưa nhau ra tòa.

Trường hợp nghiên cứu 3

- Hai bên đã ly hôn, về mặt pháp lý họ không còn là vợ chồng. Vì vậy, người chồng hoàn toàn không có quyền tham gia vào quyết định giao dịch tài sản của người vợ. Việc chia phần bán nhà có thể thực hiện dựa trên thỏa thuận, tùy thuộc vào quyết định của người vợ.
- Đưa ra lời khuyên về việc đăng ký sử dụng/sở hữu tài sản đứng tên cá nhân hay

đồng sở hữu.

- Một cách để tạo sự minh bạch về tài sản trong tương lai là viết giấy thỏa thuận về các giao dịch liên quan tới các tài sản chính.

Trường hợp nghiên cứu 4

- Học viên cần mô tả được mảnh đất ở quê là đất của gia đình dựa trên những điều họ đã học được.
- Luật yêu cầu có sự đồng ý của đối phương [chồng/hoặc vợ] đối với bất kỳ một giao dịch nào về đất của gia đình.
- Sự đồng ý không được trì hoãn một cách vô căn cứ. [Liệu học viên có nghĩ chị Mai là người không biết điều hay không? Tại sao Có và tại sao Không?]
- Có thể khuyên anh Dũng thử áp dụng biện pháp hòa giải.
- Nếu hòa giải thất bại, anh Dũng có lựa chọn nữa là tìm sự hòa giải chính thức bằng cách tìm tới cán bộ hòa giải chính thức [xem thông tin chi tiết tại Tài liệu đọc 4 trong Hợp phần “Luật Đất đai và Giới”].

Tài liệu 1: Những điểm mới của Luật Hôn nhân Gia đình 2014

Các quyền về tài sản trong Luật Hôn nhân và Gia đình sửa đổi 2014

- Luật Hôn nhân và Gia đình sửa đổi năm 2014 **bổ sung điều khoản để bảo vệ phụ nữ và con đối với hôn nhân thực tế - sống chung như vợ chồng.** Điều 16 của Luật quy định về giải quyết quan hệ tài sản, nghĩa vụ và hợp đồng của nam, nữ chung sống với nhau như vợ chồng mà không đăng ký kết hôn. Trong đó, đáng chú ý là việc giải quyết quan hệ tài sản phải bảo đảm quyền, lợi ích hợp pháp của phụ nữ và con; công việc nội trợ và công việc khác có liên quan để duy trì đời sống chung được coi như lao động có thu nhập. Như vậy, đối với hôn nhân không đăng ký, mặc dù không được pháp luật công nhận là vợ chồng nhưng luật mới chú trọng bảo vệ quyền và lợi ích của người làm công việc nội trợ [đa phần là nữ giới] nên quyền lợi các bên được bảo đảm tương tự như hôn nhân có đăng ký.

- Luật HNGĐ 2014 **qui định lại độ tuổi kết hôn:** nữ phải đủ 18 tuổi; và nam phải đủ 20 tuổi.

- Luật HNGĐ 2014 **bổ sung qui định về chế độ tài sản của vợ và chồng.** Luật qui định vợ chồng có quyền lựa chọn áp dụng chế độ tài sản theo luật định hoặc chế độ tài sản theo thỏa thuận [điều 28].

Điểm mới ở đây là chế độ tài sản theo thỏa thuận, theo đó nếu hai bên kết hôn lựa chọn chế độ tài sản này thì phải lập trước khi kết hôn, bằng hình thức văn bản có công chứng hoặc chứng thực. Chế độ tài sản của vợ chồng theo thỏa thuận

được xác lập kể từ ngày đăng ký kết hôn [Điều 47].

Nội dung cơ bản của thỏa thuận về tài sản bao gồm: “Tài sản được xác định là tài sản chung, tài sản riêng của vợ chồng; quyền, nghĩa vụ của vợ chồng đối với tài sản chung, tài sản riêng và giao dịch có liên quan, tài sản để bảo đảm nhu cầu thiết yếu của gia đình; điều kiện, thủ tục và nguyên tắc phân chia tài sản khi chấm dứt chế độ tài sản...”. Thỏa thuận này vẫn có thể được sửa đổi, bổ sung sau khi kết hôn [các Điều 46,47,48, 49 và 50]

Quy định về tài sản thỏa thuận góp phần giảm thiểu sự tranh chấp tài sản sau ly hôn của các cặp vợ chồng.

- Luật HNGĐ 2014 còn quy định cụ thể cách giải quyết về con cái, tài sản, nghĩa vụ và hợp đồng các bên khi nam nữ chung sống như vợ chồng mà không đăng ký kết hôn. Không tính thời gian chung sống như vợ chồng trước khi đăng ký kết hôn vào thời kỳ hôn nhân.

- Luật HNGĐ 2014 qui định chỉ được áp dụng tập quán về hôn nhân trong trường hợp pháp luật không có quy định và các bên không có thỏa thuận nhưng không được trái với các nguyên tắc, vi phạm các điều cấm tạt Luật này.

Luật HNGĐ là thực hiện hiệu lực của Điều 36 của Hiến pháp qui định rằng nam và nữ bình đẳng với nhau về hưởng các quyền kết hôn, trong hôn nhân và quyền quyết định chấm dứt hôn nhân và thời điểm chấm dứt hôn nhân.

Tài liệu 2: Kết hôn và Hôn nhân theo luật định

Các điều kiện cần đáp ứng của hai bên	<ul style="list-style-type: none">▪ Nam từ đủ 20 tuổi trở lên, nữ từ đủ 18 tuổi trở lên;▪ Việc kết hôn do nam và nữ tự nguyện quyết định;▪ Không bị mất năng lực hành vi dân sự;▪ Việc kết hôn không thuộc một trong các trường hợp cấm kết hôn theo quy định của Luật.▪ Hôn nhân giữa những người cùng giới không được pháp luật thừa nhận. <p>[Điều 8, Luật HNGĐ 2014]</p>
Các hành vi kết hôn bị nghiêm cấm	<ul style="list-style-type: none">▪ Kết hôn giả tạo, ly hôn giả tạo;▪ Tảo hôn, cưỡng ép kết hôn, lừa dối kết hôn, cản trở kết hôn;▪ Người đang có vợ, có chồng mà kết hôn hoặc chung sống như vợ chồng với người khác hoặc chưa có vợ, chưa có chồng mà kết hôn hoặc chung sống như vợ chồng với người đang có chồng, có vợ;▪ Kết hôn hoặc chung sống như vợ chồng giữa những người cùng dòng máu về trực hệ; giữa những người có họ trong phạm vi ba đời; giữa cha, mẹ nuôi với con nuôi; giữa người đã từng là cha, mẹ nuôi với con nuôi, cha chồng với con dâu, mẹ vợ với con rể, cha dượng với con riêng của vợ, mẹ kế với con riêng của chồng; <p>[khoản 2 Điều 5, Luật HNGĐ 2014]</p>
Các thủ tục để tiến hành kết hôn³	<ul style="list-style-type: none">▪ <i>Đăng ký kết hôn:</i> 1/ Việc kết hôn phải được đăng ký và do cơ quan nhà nước có thẩm quyền thực hiện theo quy định của Luật này và pháp luật về hộ tịch. Việc kết hôn không được đăng ký theo quy định tại khoản này thì không có giá trị pháp lý; 2/ Vợ chồng đã ly hôn muốn xác lập lại quan hệ vợ chồng thì phải đăng ký kết hôn. <p>[Điều 9, Luật HNGĐ 2014]</p> <p>a. Ủy ban nhân dân xã/ phường, nơi đăng ký hộ khẩu thường trú/hoặc đăng ký tạm trú của người nam hoặc người nữ là cơ quan có thẩm quyền thực hiện việc đăng ký kết hôn. Trong trường hợp cả hai bên đang công tác, học tập, lao động ở nước ngoài về nước đăng ký kết hôn nhưng đã cất hộ khẩu thường trú ở trong nước thì việc đăng ký kết hôn được thực hiện tại Ủy ban nhân dân cấp xã nơi cư trú trước khi xuất cảnh của một trong hai bên nam, nữ.</p>

3. Nghị định số 77/2001/CP của Chính phủ Quy định chi tiết về đăng ký kết hôn theo Nghị quyết số 5/2000/QH10 của Quốc hội về việc thi hành Luật Hôn nhân và gia đình.

<p>Các thủ tục để tiến hành kết hôn</p>	<p>b. Đăng ký Kết hôn với người nước ngoài: do Ủy ban nhân dân cấp tỉnh, nơi đăng ký thường trú của công dân Việt Nam, thực hiện đăng ký kết hôn giữa công dân Việt Nam với người nước ngoài, giữa công dân Việt Nam với nhau mà ít nhất một bên định cư ở nước ngoài. Trường hợp công dân Việt Nam không có nơi đăng ký thường trú, nhưng có nơi đăng ký tạm trú thì Ủy ban nhân dân cấp tỉnh, nơi đăng ký tạm trú của công dân Việt Nam thực hiện đăng ký kết hôn.</p> <p>[Khoản 2, Điều 19, Nghị định số 126/2014/NĐ-CP, ngày 31/12/2014 qui định một số điều và biện pháp thi hành Luật HNGĐ]</p> <ul style="list-style-type: none"> ▪ Giấy tờ cần mang theo khi đăng ký kết hôn: 1/Tờ Khai Đăng ký kết hôn [mẫu đơn có tại Ủy ban ND xã/phường]; 2/Bản chính Giấy xác nhận tình trạng hôn nhân để làm thủ tục đăng ký kết hôn [do Ủy ban nhân dân xã, phường, thị trấn nơi cư trú của bên nam, bên nữ cấp. Đối với người đang ở nước ngoài về nước để kết hôn thì phải có Giấy xác nhận tình trạng hôn nhân do Lãnh sự quán Việt Nam xác nhận]; 3/ Chứng minh nhân dân của mỗi người hoặc giấy tờ hợp lệ thay thế; 4/ Bản chính Giấy tờ về Hộ khẩu. Đối với trường hợp sống chung với nhau như vợ chồng thì Trong Tờ khai đăng ký kết hôn, các bên ghi bổ sung ngày, tháng, năm xác lập quan hệ vợ chồng hoặc chung sống với nhau như vợ chồng trên thực tế; 5/ Trường hợp bên kết hôn là người đã có vợ, có chồng nhưng đã ly hôn hoặc người kia đã chết thì phải xuất trình bản chính bản án của Tòa án đã có hiệu lực pháp luật, quyết định của Tòa án đã có hiệu lực pháp luật về việc ly hôn hoặc bản sao Giấy chứng tử của người vợ [hoặc người chồng] đã chết khi yêu cầu cấp xác nhận về tình trạng hôn nhân. ▪ Thời hạn giải quyết: 5 ngày làm việc kể từ khi nhận hồ sơ đăng ký và 10 ngày làm việc nếu hồ sơ cần có sự xác minh. ▪ Lệ phí: 20 000 đồng.
<p>Các quyền và nghĩa vụ của vợ và chồng trong hôn nhân⁴</p>	<ul style="list-style-type: none"> ▪ Vợ chồng bình đẳng về quyền và nghĩa vụ: Vợ, chồng bình đẳng với nhau, có quyền, nghĩa vụ ngang nhau về mọi mặt trong gia đình, trong việc thực hiện các quyền, nghĩa vụ của công dân được quy định trong Hiến pháp, Luật này và các luật khác có liên quan. ▪ Tình nghĩa vợ chồng: Vợ chồng có nghĩa vụ thương yêu, chung thủy, tôn trọng, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau; cùng nhau chia sẻ, thực hiện các công việc trong gia đình; và Vợ chồng có nghĩa vụ sống chung với nhau, trừ trường hợp vợ chồng có thỏa thuận khác hoặc do những lý do chính đáng khác [do nghề nghiệp, công tác, học tập, tham gia các hoạt động chính trị, kinh tế, văn hóa, xã hội, v.v] ▪ Nơi sống: vợ chồng thỏa thuận lựa chọn nơi sống mà không bị ràng buộc bởi phong tục, tập quán, địa giới hành chính. ▪ Tôn trọng nhau: Vợ, chồng có nghĩa vụ tôn trọng, giữ gìn và bảo vệ danh dự, nhân phẩm, uy tín cho nhau; tôn trọng quyền tự do tín ngưỡng, tôn giáo của nhau.

4. Quyền và nghĩa vụ của vợ và chồng trong hôn nhân được qui định tại các điều từ Điều 17 tới Điều 23 trong Luật Hôn nhân và Gia đình 2014.

<p>Các quyền và nghĩa vụ của vợ và chồng trong hôn nhân</p>	<ul style="list-style-type: none"> ▪ Tạo điều kiện cho nhau học tập, công tác, tham gia hoạt động chính trị-xã hội: Vợ, chồng có quyền, nghĩa vụ tạo điều kiện, giúp đỡ nhau chọn nghề nghiệp; học tập, nâng cao trình độ văn hóa, chuyên môn, nghiệp vụ; tham gia hoạt động chính trị, kinh tế, văn hóa, xã hội. <p>Quyền và nghĩa vụ đối với tài sản⁵:</p> <ul style="list-style-type: none"> ▪ Vợ, chồng bình đẳng với nhau về quyền, nghĩa vụ trong việc tạo lập, chiếm hữu, sử dụng, định đoạt tài sản chung; không phân biệt giữa lao động trong gia đình và lao động có thu nhập. ▪ Vợ, chồng có nghĩa vụ bảo đảm điều kiện để đáp ứng nhu cầu thiết yếu của gia đình. Vợ, chồng có quyền, nghĩa vụ thực hiện giao dịch nhằm đáp ứng nhu cầu thiết yếu của gia đình. ▪ Vợ chồng có các nghĩa vụ chung về tài sản như: Nghĩa vụ phát sinh từ giao dịch do vợ chồng cùng thỏa thuận xác lập, nghĩa vụ bồi thường thiệt hại mà theo quy định của pháp luật vợ chồng cùng phải chịu trách nhiệm; Nghĩa vụ do vợ hoặc chồng thực hiện nhằm đáp ứng nhu cầu thiết yếu của gia đình; Nghĩa vụ phát sinh từ việc chiếm hữu, sử dụng, định đoạt tài sản chung; từ việc sử dụng tài sản riêng để duy trì, phát triển khối tài sản chung hoặc để tạo ra nguồn thu nhập chủ yếu của gia đình; bồi thường thiệt hại do con gây ra mà theo quy định của Bộ luật dân sự thì cha mẹ phải bồi thường; Nghĩa vụ khác theo quy định của các luật có liên quan. ▪ Vợ, chồng có quyền chiếm hữu, sử dụng, định đoạt tài sản riêng của mình; nhập hoặc không nhập tài sản riêng vào tài sản chung. <p>Quyền và nghĩa vụ giữa cha mẹ và con cái⁶:</p> <ul style="list-style-type: none"> ▪ Cha, mẹ có nghĩa vụ và quyền ngang nhau, cùng nhau chăm sóc, nuôi dưỡng con chưa thành niên, con đã thành niên mất năng lực hành vi dân sự hoặc không có khả năng lao động và không có tài sản để tự nuôi mình. ▪ Quyền và nghĩa vụ giáo dục con, chăm lo và tạo điều kiện cho con học tập. ▪ Quyền đại diện về mặt pháp luật cho con khi con chưa thành niên hoặc mất năng lực hành vi dân sự
--	---

5. Các Điều 37,44, 45 của Luật Hôn nhân và Gia đình 2014.

6. Quan hệ giữa cha mẹ và con cái được qui định tại Chương V, Luật Hôn nhân và Gia đình 2014.

Tài liệu 3: Kết hôn và Hôn nhân theo phong tục tập quán

Giải thích thế nào là hôn nhân theo phong tục tập quán	Đó là cuộc hôn nhân được thực hiện theo tập quán của địa phương hoặc theo phong tục của dân tộc, hoặc theo tín ngưỡng, tôn giáo của hai bên vợ và chồng.
Điều kiện cần đáp ứng của hai bên⁷	<p>Về mặt pháp lý, người nam và nữ vẫn phải đáp ứng đủ điều kiện kết hôn như Luật Hôn nhân và Gia đình đã qui định.</p> <p>Luật Hôn nhân và Gia đình qui định về áp dụng tập quán hôn nhân và gia đình: Trong trường hợp pháp luật không quy định và các bên không có thỏa thuận thì tập quán tốt đẹp thể hiện bản sắc của mỗi dân tộc, không trái với nguyên tắc cơ bản của chế độ hôn nhân và gia đình [Hôn nhân tự nguyện, tiến bộ, một vợ một chồng, vợ chồng bình đẳng] và không vi phạm điều cấm của Luật này được áp dụng [tại mục 2, Điều 5].</p> <p>Tập quán được áp dụng phải là quy tắc xử sự phù hợp với quy định tại Khoản 4 Điều 3 của Luật Hôn nhân và gia đình 2014: <i>Tập quán về hôn nhân và gia đình</i> là quy tắc xử sự có nội dung rõ ràng về quyền, nghĩa vụ của các bên trong quan hệ hôn nhân và gia đình, được lặp đi, lặp lại trong một thời gian dài và được thừa nhận rộng rãi trong một vùng, miền hoặc cộng đồng.</p> <p>Áp dụng tập quán về Hôn nhân và Gia đình trong trường hợp các bên có thỏa thuận về tập quán, nhưng vẫn cần tuân thủ các điều kiện kết hôn và nguyên tắc cơ bản của chế độ hôn nhân và gia đình do luật qui định.</p> <p><i>Độ tuổi:</i> Luật qui định độ tuổi cần đáp ứng độ tuổi kết hôn đã được qui định trong luật Hôn nhân và Gia đình.</p> <p>Luật qui định cần vận động xóa bỏ hoặc cấm áp dụng các tập quán lạc hậu về hôn nhân và gia đình, là những tập quán trái với nguyên tắc cơ bản về chế độ hôn nhân gia đình - tự nguyện, tiến bộ, một vợ một chồng, bình đẳng và vi phạm những điều pháp luật đã nghiêm cấm (tảo hôn; cưỡng ép kết hôn, cản trở kết hôn; Kết hôn giữa những người có cùng dòng máu về trực hệ, giữa những người khác có họ trong phạm vi ba đời; ở rể do không đủ tiền cưới và sính lễ; đa thê; đòi lại của cải, phạt vạ, v.v)</p>

7. Nghị định 126/2014/CP của Chính phủ ban hành ngày 31/12/2014 qui định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Hôn nhân và gia đình, trong đó có qui định chi tiết về áp dụng tập quán hôn nhân và gia đình. Nghị định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 15 tháng 02 năm 2015.

<p>Các thủ tục tiến hành kết hôn</p>	<p>Hầu hết các phong tục đều đòi hỏi việc tổ chức lễ cưới để cuộc hôn nhân trở thành chính thức.</p> <p>Lễ cưới được mọi người phía nhà trai và nhà gái chứng kiến. Lễ cưới là sự kiện đánh dấu sự bắt đầu cuộc hôn nhân một cách chính thức.</p> <p>Tuy lễ cưới hỏi có thể tổ chức theo phong tục tập quán, nhưng đăng ký kết hôn về theo luật định tại Ủy ban nhân dân xã/phường vẫn là điều kiện mà hai bên cần đáp ứng về mặt thủ tục dân sự.</p>
<p>Các quyền và nghĩa vụ của vợ và chồng trong cuộc hôn nhân này</p>	<p>Người nam và người nữ có quyền sở hữu tài sản, cá nhân hoặc đồng sở hữu. Mỗi người đều có trách nhiệm chăm sóc tài sản của mình và quản lý tài sản một cách đúng đắn. Tài sản có được sau hôn nhân được coi là tài sản chung nếu như không có ý kiến khác của vợ hoặc chồng, hoặc nếu như tài sản đó không được ghi là tài sản cá nhân.</p> <p>Một số tập quán, quan niệm mang tính định kiến giới truyền thống bất lợi cho người phụ nữ, như: Sau khi ly hôn, nếu người phụ nữ kết hôn với người khác thì không được hưởng và mang đi bất cứ tài sản gì. Sau khi cha, mẹ ly hôn, con phải theo cha. Người vợ góa không có quyền hưởng phần di sản của người chồng quá cố để lại. Nếu người vợ góa tái hôn với người khác thì không được hưởng và mang đi bất cứ tài sản gì. Trong trường hợp ly hôn, người phụ nữ có thể phải quay về nhà cha mẹ mà không được chia đất đai hoặc tài sản gắn với đất. Đối với việc hưởng di sản thừa kế, chỉ có con trai mới có quyền hưởng di sản của cha mẹ, đặc biệt là nhà và đất, còn con gái thì không, hoặc chỉ được nhận một phần đền bù ít ỏi.</p> <p>Vợ và chồng đều có quyền và trách nhiệm nuôi con và chăm sóc con cái.</p>

Tài liệu 4: Các giấy tờ quan trọng liên quan tới kết hôn

Loại giấy tờ	Lấy ở đâu và như thế nào	Tại sao có những giấy tờ đó lại là điều cần thiết và những giấy tờ đó có thể sử dụng trong những việc gì?
Giấy Đăng ký kết hôn (kết hôn theo luật định)	<p>Chủ tịch UBND xã/phường là người cấp Giấy Đăng ký kết hôn (ĐKKH). Giấy này được cấp tại UBND xã/phường. Cặp vợ chồng có thể đến đăng ký trước khi làm lễ cưới hoặc sau lễ cưới một thời gian ngắn.</p> <p>Giấy ĐKKH có chữ ký của vợ và của chồng và chữ ký của Chủ tịch UBND xã/phường.</p>	<p>Giấy ĐKKH là bằng chứng về tính hợp pháp của cuộc hôn nhân giữa người chồng và người vợ.</p> <p>Giấy ĐKKH là đặc biệt quan trọng ở những nơi cần chứng tỏ cuộc hôn nhân là hợp pháp hoặc khi được yêu cầu chứng minh về cuộc hôn nhân, thí dụ như:</p> <ul style="list-style-type: none">• Khi người vợ/hoặc chồng cần ký giấy đồng ý đối với các giao dịch về đất đai/tài sản hoặc các giao dịch liên quan tới tài sản chung của vợ và chồng trong hôn nhân.• Xin cấp giấy chứng tử của người vợ/ hoặc chồng;• Khi một trong hai người muốn ly hôn.• Thủ tục nhập hộ khẩu cho người vợ/hoặc chồng;• Làm giấy khai sinh cho con;• Thừa kế di sản của vợ/ chồng.• ...
Giấy chứng nhận hôn nhân (kết hôn theo luật tục)	<p>Người nam và người nữ thỏa thuận trên cơ sở tự nguyện.</p> <p>Đám cưới có sự chứng kiến của cha mẹ, người thân, họ hàng và người dân trong cộng đồng.</p> <p>Sự chấp thuận của cha mẹ hai bên/ hoặc 1 bên</p>	
Giấy xác nhận tình trạng hôn nhân	<p>Xác nhận tình trạng độc thân của người nam và người nữ. Trong trường hợp đã kết hôn, thì có giấy xác nhận đã ly hôn của tòa án hoặc giấy chứng tử trong trường hợp người chồng trước/ vợ trước đã chết.</p>	

Tài liệu 5: Luật pháp qui định về ly hôn đối với hôn nhân theo pháp luật – hôn nhân có đăng ký kết hôn⁸

	Ly hôn đối với hôn nhân theo luật định – có đăng ký kết hôn
Căn cứ để giải quyết yêu cầu ly hôn	<ol style="list-style-type: none"> 1. Khi cả hai người cùng đồng ý chấm dứt cuộc hôn nhân: cùng tự nguyện ký tên vào đơn xin ly dị gửi cơ quan có thẩm quyền [<i>trường hợp thuận tình ly hôn</i>]. 2. Khi người vợ hoặc chồng có yêu cầu đề nghị ly hôn [<i>trường hợp đơn phương ly hôn</i>]. 3. Cha, mẹ, người thân thích khác có quyền yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn khi một bên vợ, chồng do bị bệnh mà không thể nhận thức, làm chủ được hành vi của mình, đồng thời là nạn nhân của bạo lực gia đình do chồng, vợ của họ gây ra làm ảnh hưởng nghiêm trọng đến tính mạng, sức khỏe, tinh thần của họ. 4. Chồng không có quyền yêu cầu ly hôn trong trường hợp vợ đang có thai, sinh con hoặc đang nuôi con dưới 12 tháng tuổi. [Điều 51, Luật HNGĐ 2014] 5. Nếu xét thấy tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được, thì Tòa án nhân dân xử cho ly hôn.
Qui trình giải quyết ly hôn	<ol style="list-style-type: none"> 1. Nộp đơn xin ly hôn cho tòa án cấp quận/huyện nơi cư trú của vợ hoặc chồng [theo thỏa thuận giữa hai người] 2. <i>Hòa giải tại cơ sở</i>. Luật Hôn nhân và gia đình khuyến khích việc hòa giải ở cơ sở khi vợ, chồng có yêu cầu ly hôn. Việc hòa giải được thực hiện theo quy định của pháp luật về hòa giải ở cơ sở⁹. Hòa giải ở cơ sở có thể thực hiện trong nội bộ gia đình, cộng đồng từ thôn/xóm/tổ dân phố, ấp, hay cấp UBND xã/phường, hoặc tại nơi làm việc của vợ, chồng. 3. <i>Hòa giải tại tòa án</i>. Tòa án tiến hành hòa giải sau khi đã thụ lý đơn ly hôn. Tòa không tiến hành hòa giải khi một trong hai người mất năng lực hành vi dân sự¹⁰. 4. Quyết định cho ly hôn do Tòa án ban hành. <p>Hồ sơ xin ly hôn:</p> <ul style="list-style-type: none"> • <i>Đơn xin ly hôn</i>. Nếu thuận tình ly hôn thì có thể cần văn bản thỏa thuận của vợ chồng về tài sản chia, quyền nuôi con, nghĩa vụ cấp dưỡng, nghĩa vụ đối với các khoản nợ nếu có, v.v • <i>Chứng minh nhân dân và Sổ hộ khẩu</i> của vợ và chồng • <i>Giấy đăng ký kết hôn</i> • <i>Giấy khai sinh của các con</i> • <i>Giấy tờ chứng nhận về tài sản</i> nếu có yêu cầu chia tài sản, như <i>Sổ đỏ, giấy chứng minh thu nhập</i>, v.v

8. Các điều khoản về ly hôn được qui định tại Chương IV về Chấm dứt hôn nhân của Luật Hôn nhân Gia đình 2014 (từ Điều 51 tới Điều 64).

9. Điều 52, Luật Hôn nhân và gia đình 2014.

10. Khoản 3, Điều 182, Luật Tố tụng dân sự 2004.

Ly hôn đối với hôn nhân theo luật định – có đăng ký kết hôn	
Điều kiện để Tòa án ra quyết định ly hôn trong trường hợp thuận tình ly hôn¹¹	<ol style="list-style-type: none"> Hai bên thật sự tự nguyện ly hôn; Hai bên đã thoả thuận được với nhau về việc chia hoặc không chia tài sản, việc trông nom, nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục con. Sự thoả thuận của hai bên về tài sản và con trong từng trường hợp cụ thể này là bảo đảm quyền lợi chính đáng của vợ và con. <p>GHI CHÚ: Quyết định công nhận thuận tình ly hôn có hiệu lực pháp luật ngay, các bên không có quyền kháng cáo.</p>
Điều kiện để Tòa án ra quyết định ly hôn trong trường hợp xin ly hôn đơn phương¹²	<p>Nếu hòa giải tại cơ sở và tại tòa án không thành thì Tòa án giải quyết cho ly hôn nếu có căn cứ về việc vợ, chồng có hành vi bạo lực gia đình hoặc vi phạm nghiêm trọng quyền, nghĩa vụ của vợ, chồng làm cho hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được. Trong trường hợp vợ hoặc chồng của người bị Tòa án tuyên bố mất tích yêu cầu ly hôn thì Tòa án giải quyết cho ly hôn.</p>
Điều kiện để Tòa án ra quyết định ly hôn do bạo lực gia đình hoặc do không đủ năng lực hành vi dân sự	<p>Trong trường hợp cha, mẹ hoặc người khác yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn khi một bên vợ, chồng do bị bệnh tâm thần hoặc mắc bệnh khác mà không thể nhận thức, làm chủ được hành vi của mình, đồng thời là nạn nhân của bạo lực gia đình do chồng, vợ của họ gây ra làm ảnh hưởng nghiêm trọng đến tính mạng, sức khỏe, tinh thần của họ thì Tòa án giải quyết cho ly hôn nếu có căn cứ về việc chồng, vợ có hành vi bạo lực gia đình làm ảnh hưởng nghiêm trọng đến tính mạng, sức khỏe, tinh thần của người kia.</p>
Ai có thẩm quyền giải quyết ly hôn?	<p><i>Tòa án nhân dân</i> tại nơi cư trú [thường trú/tạm trú] của vợ hoặc chồng.</p> <p>Tòa án là cơ quan duy nhất có thẩm quyền ra phán quyết chấm dứt quan hệ hôn nhân của vợ chồng.</p> <p>Tòa án nhân dân có quyền công nhận thuận tình ly hôn hoặc xử cho ly hôn hoặc bác yêu cầu ly hôn. Theo luật Hôn nhân và gia đình, khi vợ chồng, hoặc cả hai vợ chồng có đơn yêu cầu ly hôn, Tòa án nhân dân tiến hành hòa giải, xem xét giải quyết. Nếu hòa giải không thành, thì Tòa án nhân dân xét xử.</p> <p>Khi nhận được đơn xin giải quyết ly hôn, Tòa án thụ lý đơn, xem xét đúng thẩm quyền, ra thông báo nộp tiền tạm ứng án phí gửi người viết đơn ly hôn. Người viết đơn xin ly hôn nộp án phí và nộp biên lai nộp tiền tạm ứng án phí lại cho Tòa án. Tòa án thụ lý vụ án xin ly hôn và ra thông báo thụ lý vụ án gửi Viện kiểm sát cùng cấp và bị đơn [người có liên quan]. Vụ án chính thức được Tòa án giải quyết.</p>

11. Điều 55, Luật Hôn nhân và gia đình 2014.

12. Điều 56, Luật Hôn nhân và gia đình 2014.

Tài liệu 6: Ly hôn đối với hôn nhân thực tế - không đăng ký kết hôn (kết hôn theo phong tục tập quán, tín ngưỡng, tôn giáo)

	Ly hôn đối với hôn nhân thực tế - Kết hôn không đăng ký kết hôn [theo phong tục tập quán, tín ngưỡng, tôn giáo]
Căn cứ để giải quyết ly hôn	<ol style="list-style-type: none"> 1. Khi cả hai người cùng đồng ý chấm dứt cuộc hôn nhân. 2. Khi một trong hai người yêu cầu chia tay.
Qui trình giải quyết ly hôn	<p>Luật Hôn nhân và gia đình 2014 qui định giải quyết trường hợp kết hôn thực tế¹³ (kết hôn theo phong tục tập quán, tôn giáo, sống chung như vợ chồng mà không đăng ký kết hôn và đủ điều kiện kết hôn theo qui định của luật) - trong trường hợp này không làm phát sinh quyền, nghĩa vụ giữa vợ và chồng khi ly hôn.</p> <p>Còn quyền, nghĩa vụ đối với con, tài sản, nghĩa vụ và hợp đồng giữa các bên được giải quyết theo qui định của Luật về quyền và nghĩa vụ của cha mẹ với con trong Điều 15 và quyền và nghĩa vụ về tài sản được giải quyết theo thỏa thuận giữa hai bên. Nếu thỏa thuận không thành, thì sẽ giải quyết theo qui định của Luật Dân sự và các luật có liên quan.</p> <p>Tuy vậy, việc giải quyết quan hệ tài sản cần bảo đảm quyền, lợi ích hợp pháp của phụ nữ và con cái. Ngoài ra, công việc nội trợ và công việc khác có liên quan để duy trì đời sống chung được coi như lao động có thu nhập</p> <p>[Điều 16, Luật HNGĐ 2014].</p> <p>Hòa giải là yếu tố quan trọng. Thành viên gia đình hoặc người thân, dòng họ/ họ hàng, v.v có thể tiến hành hòa giải.</p> <p>Nếu hòa giải không thành, hai người ly hôn.</p>
Ai có thẩm quyền giải quyết ly hôn?	<p>Hai vợ chồng thỏa thuận.</p> <p>Trong trường hợp có tranh chấp về tài sản hay quyền nuôi con, cấp dưỡng, v.v thì tòa án sẽ xử theo luật Dân sự hoặc luật liên quan.</p>

13. Luật Hôn nhân và gia đình 2014, Điều 14, 15 và 16.

Tài liệu 7: Các quyền về đất đai/tài sản của phụ nữ khi ly thân và ly hôn

Bảng dưới đây trình bày những tác động của ly thân và ly hôn tới các quyền của phụ nữ. Như mọi khi, hãy luôn ghi nhớ Hiến pháp là thước đo về quyền của cả nam giới và phụ nữ. Khi luật hiện hành, các tập quán, hay truyền thống vẫn còn phân biệt đối xử giữa nam giới và phụ nữ, Hiến pháp là căn cứ cao nhất.

Các loại hình kết hôn	Các quyền về đất và tài sản liên với đất khi ly thân	Các quyền về đất và tài sản liên với đất khi ly hôn
Kết hôn theo luật định	<p>Do không có chế định về ly thân nên mặc dù ly thân, người vợ và người chồng vẫn được coi là đang trong tình trạng hôn nhân hợp pháp.</p> <p>Quyền về đất đai và tài sản tương tự như quyền của vợ và chồng trong thời gian hôn nhân.</p>	<p>Trước hết tiến hành thỏa thuận giữa hai bên. Nếu thỏa thuận không thành, tòa án quyết định xử lý tài sản trong hôn nhân theo qui định của luật. Tòa án có thể phán quyết số tài sản được phân chia giữa người vợ và người chồng, hoặc phán quyết bán toàn bộ tài sản và sau đó phân chia số tiền bán được.</p> <p><i>Nhà ở:</i> Tòa án quyết định ai sẽ ở lại, ai sẽ phải đi khỏi căn nhà hai người chung sống trong thời gian hôn nhân. Trong trường hợp ngôi nhà là nơi ở duy nhất của hai vợ chồng, phải có sự thỏa thuận của vợ chồng. Trong trường hợp nhà ở thuộc sở hữu riêng của vợ hoặc chồng thì chủ sở hữu có quyền xác lập, thực hiện, chấm dứt giao dịch liên quan đến tài sản đó nhưng phải bảo đảm chỗ ở cho vợ chồng¹⁴.</p> <p>Trong thời gian ra quyết định, tòa án được yêu cầu:</p> <ol style="list-style-type: none">1. Đối xử công bằng với cả hai bên2. Đảm bảo sự công bằng với cả hai phía, bất kể tình trạng kinh tế, địa vị xã hội của hai bên.3. Thúc đẩy hòa giải giữa hai bên.

14. Luật Hôn nhân và gia đình 2014, Điều 31.

Các loại hình kết hôn	Các quyền về đất và tài sản liên với đất khi ly thân	Các quyền về đất và tài sản liên với đất khi ly hôn
<p>Kết hôn theo phong tục tập quán</p>	<p>Các quyền về đất của người phụ nữ khi ly thân bị chi phối bởi tập tục, luật lệ của địa phương, của bộ tộc, dân tộc, dòng họ nơi người chồng/ hoặc người vợ sinh sống.</p> <p>Nếu như định kiến giới/chuẩn mực giới truyền thống ở địa phương còn nặng nề, người phụ nữ có thể phải đối mặt nhiều hơn với nguy cơ bị tước đoạt quyền được chia tài sản chung, đặc biệt là tài sản liên quan tới đất ở và nhà ở; hoặc quyền nuôi con.</p>	<p>Các quyền về đất của người phụ nữ khi ly hôn bị chi phối bởi tập tục, luật lệ của địa phương, của bộ tộc, dân tộc, dòng họ nơi người chồng/ hoặc người vợ sinh sống.</p> <p>Nếu như định kiến giới/chuẩn mực giới truyền thống ở địa phương còn nặng nề, người phụ nữ có thể phải đối mặt nhiều hơn với nguy cơ bị tước đoạt quyền được chia tài sản chung, đặc biệt là tài sản liên quan tới đất ở và nhà ở; hoặc quyền nuôi con.</p>

Tài liệu 8: Luật pháp qui định về các quyền hợp pháp về tài sản và chế độ tài sản của vợ, chồng trong hôn nhân và sau hôn nhân.

Hiến pháp nước CHXHCN Việt Nam là kim chỉ nam cho các quyền của công dân, bao gồm cả quyền về tài sản¹⁵.

Khoản 1 và 2 trong Điều 32 của Hiến pháp qui định: "1. Mọi người có quyền sở hữu về thu nhập hợp pháp, của cải để dành, nhà ở, tư liệu sinh hoạt, tư liệu sản xuất, phần vốn góp trong doanh nghiệp hoặc trong các tổ chức kinh tế khác. 2. Quyền sở hữu tư nhân và quyền thừa kế được pháp luật bảo hộ."

Những qui định của Luật Hôn nhân Gia đình 2014 về:

Nguyên tắc chung về chế độ tài sản của vợ chồng [Điều 29]:

1. Vợ, chồng bình đẳng với nhau về quyền, nghĩa vụ trong việc tạo lập, chiếm hữu, sử dụng, định đoạt tài sản chung; không phân biệt giữa lao động trong gia đình và lao động có thu nhập.
2. Vợ, chồng có nghĩa vụ bảo đảm điều kiện để đáp ứng nhu cầu thiết yếu của gia đình.
3. Việc thực hiện quyền, nghĩa vụ về tài sản của vợ chồng mà xâm phạm đến quyền, lợi ích hợp pháp của vợ, chồng, gia đình và của người khác thì phải bồi thường.

TÀI SẢN CHUNG CỦA VỢ CHỒNG

Tài sản chung của vợ chồng [Điều 33]

1. Tài sản chung của vợ chồng gồm tài sản do vợ, chồng tạo ra, thu nhập do lao động, hoạt động sản xuất, kinh doanh, hoa lợi, lợi tức phát sinh từ tài sản riêng và thu nhập hợp pháp khác trong thời kỳ hôn nhân, trừ trường hợp được quy định tại khoản 1 Điều 40 của Luật này; tài sản mà vợ chồng được thừa kế chung hoặc được tặng cho chung và tài sản khác mà

vợ chồng thỏa thuận là tài sản chung.

Quyền sử dụng đất mà vợ, chồng có được sau khi kết hôn là tài sản chung của vợ chồng, trừ trường hợp vợ hoặc chồng được thừa kế riêng, được tặng cho riêng hoặc có được thông qua giao dịch bằng tài sản riêng.

2. Tài sản chung của vợ chồng thuộc sở hữu chung hợp nhất, được dùng để bảo đảm nhu cầu của gia đình, thực hiện nghĩa vụ chung của vợ chồng.
3. Trong trường hợp không có căn cứ để chứng minh tài sản mà vợ, chồng đang có tranh chấp là tài sản riêng của mỗi bên thì tài sản đó được coi là tài sản chung.

Đăng ký quyền sở hữu, quyền sử dụng đối với tài sản chung [Điều 34]

1. Trong trường hợp tài sản thuộc sở hữu chung của vợ chồng mà pháp luật quy định phải đăng ký quyền sở hữu, quyền sử dụng thì giấy chứng nhận quyền sở hữu, giấy chứng nhận quyền sử dụng phải ghi tên cả hai vợ chồng, trừ trường hợp vợ chồng có thỏa thuận khác.
2. Trong trường hợp giấy chứng nhận quyền sở hữu, giấy chứng nhận quyền sử dụng tài sản chỉ ghi tên một bên vợ hoặc chồng thì giao dịch liên quan đến tài sản này được thực hiện theo quy định tại Điều 26 của Luật này; nếu có tranh chấp về tài sản đó thì được giải quyết theo quy định tại khoản 3 Điều 33 của Luật này.

Chiếm hữu, sử dụng, định đoạt tài sản chung [Điều 35].

1. Việc chiếm hữu, sử dụng, định đoạt tài sản chung do vợ chồng thỏa thuận.
2. Việc định đoạt tài sản chung phải có sự thỏa thuận bằng văn bản của vợ chồng trong những

trường hợp sau đây:

- a. Bất động sản;
- b. Động sản mà theo quy định của pháp luật phải đăng ký quyền sở hữu;
- c. Tài sản đang là nguồn tạo ra thu nhập chủ yếu của gia đình.

Khi Tài sản chung được đưa vào kinh doanh [Điều 36]

Trong trường hợp vợ chồng có thỏa thuận về việc một bên đưa tài sản chung vào kinh doanh thì người này có quyền tự mình thực hiện giao dịch liên quan đến tài sản chung đó. Thỏa thuận này phải lập thành văn bản.

Nghĩa vụ chung về tài sản của vợ chồng [Điều 37].

1. Nghĩa vụ phát sinh từ giao dịch do vợ chồng cùng thỏa thuận xác lập, nghĩa vụ bồi thường thiệt hại mà theo quy định của pháp luật vợ chồng cùng phải chịu trách nhiệm;
2. Nghĩa vụ do vợ hoặc chồng thực hiện nhằm đáp ứng nhu cầu thiết yếu của gia đình;
3. Nghĩa vụ phát sinh từ việc chiếm hữu, sử dụng, định đoạt tài sản chung;
4. Nghĩa vụ phát sinh từ việc sử dụng tài sản riêng để duy trì, phát triển khối tài sản chung hoặc để tạo ra nguồn thu nhập chủ yếu của gia đình;
5. Nghĩa vụ bồi thường thiệt hại do con gây ra mà theo quy định của Bộ luật Dân sự thì cha mẹ phải bồi thường;
6. Nghĩa vụ khác theo quy định của các luật có liên quan.

Chia tài sản chung trong thời kỳ hôn nhân [Điều 38].

1. Trong thời kỳ hôn nhân, vợ chồng có quyền thỏa thuận chia một phần hoặc toàn bộ tài sản chung, trừ trường hợp quy định tại Điều 42 của Luật này; nếu không thỏa thuận được thì có quyền yêu cầu Tòa án

giải quyết.

2. Thỏa thuận về việc chia tài sản chung phải lập thành văn bản. Văn bản này được công chứng theo yêu cầu của vợ chồng hoặc theo quy định của pháp luật.
3. Trong trường hợp vợ, chồng có yêu cầu thì Tòa án giải quyết việc chia tài sản chung của vợ chồng theo quy định tại Điều 59 của Luật này.

Khi nào Chia tài sản chung trong thời kỳ hôn nhân bị vô hiệu [Điều 42]

Việc chia tài sản chung trong thời kỳ hôn nhân bị vô hiệu khi thuộc một trong các trường hợp sau đây:

1. Ảnh hưởng nghiêm trọng đến lợi ích của gia đình; quyền, lợi ích hợp pháp của con chưa thành niên, con đã thành niên mất năng lực hành vi dân sự hoặc không có khả năng lao động và không có tài sản để tự nuôi mình;
2. Nhằm trốn tránh thực hiện các nghĩa vụ sau đây:
 - a. Nghĩa vụ nuôi dưỡng, cấp dưỡng;
 - b. Nghĩa vụ bồi thường thiệt hại;
 - c. Nghĩa vụ thanh toán khi bị Tòa án tuyên bố phá sản;
 - d. Nghĩa vụ trả nợ cho cá nhân, tổ chức;
 - e. Nghĩa vụ nộp thuế hoặc nghĩa vụ tài chính khác đối với Nhà nước;
 - f. Nghĩa vụ khác về tài sản theo quy định của Luật này, Bộ luật Dân sự và quy định khác của pháp luật có liên quan.

TÀI SẢN RIÊNG CỦA VỢ CHỒNG

Tài sản riêng của vợ, chồng [Điều 43]

1. **Tài sản riêng của vợ, chồng gồm tài sản mà mỗi người có trước khi kết hôn;** tài sản được thừa kế riêng, được tặng cho riêng trong thời kỳ hôn nhân; tài sản được chia riêng cho vợ, chồng theo quy định tại các điều 38, 39 và 40 của Luật này; tài sản phục vụ nhu cầu thiết

yếu của vợ, chồng và tài sản khác mà theo quy định của pháp luật thuộc sở hữu riêng của vợ, chồng.

2. Tài sản được hình thành từ tài sản riêng của vợ, chồng cũng là tài sản riêng của vợ, chồng. Hoa lợi, lợi tức phát sinh từ tài sản riêng trong thời kỳ hôn nhân được thực hiện theo quy định tại khoản 1 Điều 33 và khoản 1 Điều 40 của Luật này.

Chiếm hữu, sử dụng, định đoạt tài sản riêng [Điều 44]

1. Vợ, chồng có quyền chiếm hữu, sử dụng, định đoạt tài sản riêng của mình; nhập hoặc không nhập tài sản riêng vào tài sản chung.
2. Trong trường hợp vợ hoặc chồng không thể tự mình quản lý tài sản riêng và cũng không ủy quyền cho người khác quản lý thì bên kia có quyền quản lý tài sản đó. Việc quản lý tài sản phải bảo đảm lợi ích của người có tài sản.
3. Nghĩa vụ riêng về tài sản của mỗi người được thanh toán từ tài sản riêng của người đó.
4. Trong trường hợp vợ, chồng có tài sản riêng mà hoa lợi, lợi tức từ tài sản riêng đó là nguồn sống duy nhất của gia đình thì việc định đoạt tài sản này phải có sự đồng ý của chồng, vợ.

Nghĩa vụ riêng về tài sản của vợ, chồng [Điều 45]

1. Vợ, chồng có các nghĩa vụ riêng về tài sản sau đây:
2. Nghĩa vụ của mỗi bên vợ, chồng có trước khi kết hôn;
3. Nghĩa vụ phát sinh từ việc chiếm hữu, sử dụng, định đoạt tài sản riêng, trừ trường hợp nghĩa vụ phát sinh trong việc bảo quản, duy trì, tu sửa tài sản riêng của vợ, chồng theo quy định tại khoản 4 Điều 44 hoặc quy định tại khoản 4 Điều 37 của Luật này;
4. Nghĩa vụ phát sinh từ giao dịch do một bên xác lập, thực hiện không vì nhu cầu của gia đình;
5. Nghĩa vụ phát sinh từ hành vi vi phạm pháp luật của vợ, chồng.

Khi Nhập tài sản riêng của vợ, chồng vào tài sản chung [Điều 46]

1. Việc nhập tài sản riêng của vợ, chồng vào tài sản chung được thực hiện theo thỏa thuận của vợ chồng.
2. Tài sản được nhập vào tài sản chung mà theo quy định của pháp luật, giao dịch liên quan đến tài sản đó phải tuân theo hình thức nhất định thì thỏa thuận phải bảo đảm hình thức đó.
3. Nghĩa vụ liên quan đến tài sản riêng đã nhập vào tài sản chung được thực hiện bằng tài sản chung, trừ trường hợp vợ chồng có thỏa thuận khác hoặc pháp luật có quy định khác.

CHẾ ĐỘ TÀI SẢN ÁP DỤNG THEO THỎA THUẬN GIỮA VỢ VÀ CHỒNG

Thỏa thuận xác lập chế độ tài sản của vợ chồng [Điều 47].

Trong trường hợp hai bên kết hôn lựa chọn chế độ tài sản theo thỏa thuận thì thỏa thuận này phải được lập trước khi kết hôn, bằng hình thức văn bản có công chứng hoặc chứng thực. Chế độ tài sản của vợ chồng theo thỏa thuận được xác lập kể từ ngày đăng ký kết hôn.

Nội dung cơ bản của thỏa thuận về chế độ tài sản của vợ chồng [Điều 48]

1. Nội dung cơ bản của thỏa thuận về chế độ tài sản bao gồm:
 - a. Tài sản được xác định là tài sản chung, tài sản riêng của vợ, chồng;
 - b. Quyền, nghĩa vụ của vợ chồng đối với tài sản chung, tài sản riêng và giao dịch có liên quan; tài sản để bảo đảm nhu cầu thiết yếu của gia đình;
 - c. Điều kiện, thủ tục và nguyên tắc phân chia tài sản khi chấm dứt chế độ tài sản;
 - d. Nội dung khác có liên quan.
2. Khi thực hiện chế độ tài sản theo thỏa thuận mà phát sinh những vấn đề chưa được vợ chồng thỏa thuận hoặc thỏa thuận không rõ

ràng thì áp dụng quy định tại các Điều 29, 30, 31 và 32 của Luật này và quy định tương ứng của chế độ tài sản theo luật định.

Quyền Sửa đổi, bổ sung nội dung của thỏa thuận về chế độ tài sản của vợ chồng [Điều 49].

1. Vợ chồng có quyền sửa đổi, bổ sung thỏa thuận về chế độ tài sản.
2. Hình thức sửa đổi, bổ sung nội dung của thỏa thuận về chế độ tài sản theo thỏa thuận được áp dụng theo quy định tại Điều 47 của Luật này.

Khi nào Thỏa thuận về chế độ tài sản của vợ chồng bị vô hiệu [Điều 50].

Thỏa thuận về chế độ tài sản của vợ chồng bị Tòa án tuyên bố vô hiệu khi thuộc một trong các trường hợp sau đây:

- a. Không tuân thủ điều kiện có hiệu lực của giao dịch được quy định tại Bộ luật dân sự và các luật khác có liên quan;
- b. Vi phạm một trong các quy định tại các Điều 29, 30, 31 và 32 của Luật này;
- c. Nội dung của thỏa thuận vi phạm nghiêm trọng quyền được cấp dưỡng, quyền được thừa kế và quyền, lợi ích hợp pháp khác của cha, mẹ, con và thành viên khác của gia đình.

GIẢI QUYẾT TÀI SẢN CỦA VỢ CHỒNG KHI LY HÔN

Nguyên tắc giải quyết tài sản của vợ chồng khi ly hôn [Điều 59]

1. Trong trường hợp chế độ tài sản của vợ chồng theo luật định thì việc giải quyết tài sản do các bên thỏa thuận; nếu không thỏa thuận được thì theo yêu cầu của vợ, chồng hoặc của hai vợ chồng, Tòa án giải quyết theo quy định tại các khoản 2, 3, 4 và 5 Điều này và tại các Điều 60, 61, 62, 63 và 64 của Luật này.

Trong trường hợp chế độ tài sản của vợ chồng theo thỏa thuận thì việc giải quyết tài sản khi ly hôn được áp dụng theo thỏa thuận đó; nếu

thỏa thuận không đầy đủ, rõ ràng thì áp dụng quy định tương ứng tại các khoản 2, 3, 4 và 5 Điều này và tại các Điều 60, 61, 62, 63 và 64 của Luật này để giải quyết.

2. Tài sản chung của vợ chồng được chia đôi nhưng có tính đến các yếu tố sau đây:
 - a. Hoàn cảnh của gia đình và của vợ, chồng;
 - b. Công sức đóng góp của vợ, chồng vào việc tạo lập, duy trì và phát triển khối tài sản chung. Lao động của vợ, chồng trong gia đình được coi như lao động có thu nhập;
 - c. Bảo vệ lợi ích chính đáng của mỗi bên trong sản xuất, kinh doanh và nghề nghiệp để các bên có điều kiện tiếp tục lao động tạo thu nhập;
 - d. Lỗi của mỗi bên trong vi phạm quyền, nghĩa vụ của vợ chồng.
3. Tài sản chung của vợ chồng được chia bằng hiện vật, nếu không chia được bằng hiện vật thì chia theo giá trị; bên nào nhận phần tài sản bằng hiện vật có giá trị lớn hơn phần mình được hưởng thì phải thanh toán cho bên kia phần chênh lệch.
4. Tài sản riêng của vợ, chồng thuộc quyền sở hữu của người đó, trừ trường hợp tài sản riêng đã nhập vào tài sản chung theo quy định của Luật này.

Trong trường hợp có sự sáp nhập, trộn lẫn giữa tài sản riêng với tài sản chung mà vợ, chồng có yêu cầu về chia tài sản thì được thanh toán phần giá trị tài sản của mình đóng góp vào khối tài sản đó, trừ trường hợp vợ chồng có thỏa thuận khác.

5. Bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp của vợ, con chưa thành niên, con đã thành niên mất năng lực hành vi dân sự hoặc không có khả năng lao động và không có tài sản để tự nuôi mình.

Chia tài sản trong trường hợp vợ chồng sống chung với gia đình [Điều 61].

1. Trong trường hợp vợ chồng sống chung với gia đình mà ly hôn, nếu tài sản của vợ chồng trong khối tài sản chung của gia đình không

xác định được thì vợ hoặc chồng được chia một phần trong khối tài sản chung của gia đình căn cứ vào công sức đóng góp của vợ chồng vào việc tạo lập, duy trì, phát triển khối tài sản chung cũng như vào đời sống chung của gia đình. Việc chia một phần trong khối tài sản chung do vợ chồng thỏa thuận với gia đình; nếu không thỏa thuận được thì yêu cầu Tòa án giải quyết.

2. Trong trường hợp vợ chồng sống chung với gia đình mà tài sản của vợ chồng trong khối tài sản chung của gia đình có thể xác định được theo phần thì khi ly hôn, phần tài sản của vợ chồng được trích ra từ khối tài sản chung đó để chia theo quy định tại Điều 59 của Luật này.

Chia quyền sử dụng đất của vợ chồng khi ly hôn [Điều 62]

1. Quyền sử dụng đất là tài sản riêng của bên nào thì khi ly hôn vẫn thuộc về bên đó.
2. Việc chia quyền sử dụng đất là tài sản chung của vợ chồng khi ly hôn được thực hiện như sau:
 - a. Đối với đất nông nghiệp trồng cây hàng năm, nuôi trồng thủy sản, nếu cả hai bên đều có nhu cầu và có điều kiện trực tiếp sử dụng đất thì được chia theo thỏa thuận của hai bên; nếu không thỏa thuận được thì yêu cầu Tòa án giải quyết theo quy định tại Điều 59 của Luật này.

Trong trường hợp chỉ một bên có nhu cầu và có điều kiện trực tiếp sử dụng đất thì bên đó được tiếp tục sử dụng nhưng phải thanh toán cho bên kia phần giá trị quyền sử dụng đất mà họ được hưởng;

- b. Trong trường hợp vợ chồng có quyền sử dụng đất nông nghiệp trồng cây hàng năm, nuôi trồng thủy sản chung với hộ gia đình thì khi ly hôn phần quyền sử dụng đất của vợ chồng được tách ra và chia theo quy định tại điểm a khoản này;

- c. Đối với đất nông nghiệp trồng cây lâu năm, đất lâm nghiệp để trồng rừng, đất ở thì được chia theo quy định tại Điều 59 của Luật này;

- d. Đối với loại đất khác thì được chia theo quy định của pháp luật về đất đai.

3. Trong trường hợp vợ chồng sống chung với gia đình mà không có quyền sử dụng đất chung với hộ gia đình thì khi ly hôn quyền lợi của bên không có quyền sử dụng đất và không tiếp tục sống chung với gia đình được giải quyết theo quy định tại Điều 61 của Luật này.

Trường hợp một bên khó khăn về chỗ ở - Quyền lưu cư của vợ hoặc chồng khi ly hôn [Điều 63].

Nhà ở thuộc sở hữu riêng của vợ, chồng đã đưa vào sử dụng chung thì khi ly hôn vẫn thuộc sở hữu riêng của người đó; trường hợp vợ hoặc chồng có khó khăn về chỗ ở thì được quyền lưu cư trong thời hạn 06 tháng kể từ ngày quan hệ hôn nhân chấm dứt, trừ trường hợp các bên có thỏa thuận khác.

Chia tài sản chung của vợ chồng đưa vào kinh doanh [Điều 64].

Vợ, chồng đang thực hiện hoạt động kinh doanh liên quan đến tài sản chung có quyền được nhận tài sản đó và phải thanh toán cho bên kia phần giá trị tài sản mà họ được hưởng, trừ trường hợp pháp luật về kinh doanh có quy định khác

Tài liệu 9: Các thể chế không chính thức tham gia giải quyết tranh chấp

Thể chế	Vai trò
Cộng tác viên bình đẳng giới (TNV)	<p>Một trong các vai trò của TNV là đưa ra những giải pháp tức thời, ban đầu bằng cách cung cấp các thông tin và hướng dẫn cơ bản về luật pháp.</p> <p>TNV cũng được tập huấn để có thể cung cấp các dịch vụ pháp lý và hòa giải đối với những trường hợp tranh chấp gia tăng giữa các thành viên trong cộng đồng. Với tư cách là người hòa giải, họ có thể khuyến khích người dân trong cộng đồng thỏa thuận với nhau và tự giải tòa sự tranh chấp.</p>
Họp gia đình	<p>Họp gia đình là một biện pháp phổ biến để thảo luận các vấn đề của gia đình và đưa ra giải pháp. Những người tham gia cuộc họp sẽ lắng nghe trình bày của cả hai phía, thống nhất vấn đề, cung cấp thông tin và tư vấn khi cần thiết và thống nhất về giải pháp.</p> <p>TNV có thể tham dự cuộc họp gia đình nếu được một trong hai phía yêu cầu. Vai trò của TNV trong cuộc họp gia đình có thể là nâng cao nhận thức cho các thành viên gia đình về các luật liên quan và các thủ tục để các thành viên gia đình có thể xây dựng giải pháp căn cứ theo luật.</p>
Các cuộc họp dòng họ	<p>Các cuộc họp dòng họ cũng khá hữu ích để giải quyết các xung đột trong gia đình. Hòa giải ở cấp độ dòng họ thường diễn ra dưới sự dẫn dắt của trưởng họ, những người già có vai vế trong họ, là những người nắm rõ luật lệ, qui ước, giá trị và chuẩn mực của cộng đồng và dòng họ.</p> <p>TNV có thể tham dự cuộc họp dòng họ để cung cấp các thông tin, lời khuyên về luật pháp khi cần thiết, hoặc để giúp ghi chép biên bản cuộc họp, sự thỏa thuận có chữ ký của hai bên như là một cách để ràng buộc 2 bên thực hiện giải pháp đã thống nhất đưa ra.</p>
Lãnh đạo tôn giáo	<p>Nhiều cặp vợ chồng kết hôn tìm sự giúp đỡ của lãnh đạo tôn giáo – thí dụ trưởng họp các cặp vợ chồng theo công giáo - khi họ gặp tình trạng xung đột trong gia đình. Vai trò của lãnh đạo tôn giáo thường là hòa giải để hai vợ chồng hòa thuận trở lại. Lãnh đạo tôn giáo cũng thường theo dõi tiếp tục hai vợ chồng để chắc chắn là xung đột đã chấm dứt và gia đình đã bình yên trở lại.</p>
Tổ hòa giải	<p>Tổ hòa giải thường được tổ chức tại cấp cơ sở bao gồm các thành viên nòng cốt của các đoàn thể, như hội Phụ nữ, hội Nông dân, Mặt trận Tổ quốc, Hội Chữ Thập Đỏ, tổ trưởng khu phố/trưởng thôn, công an, v.v</p>

Tài liệu 10: Các thể chế chính thức tham gia giải quyết tranh chấp

Luật pháp quy định vai trò và trách nhiệm cụ thể cho những thể chế chính thức tham gia giải quyết các tranh chấp. Các thể chế sắp xếp theo thứ bậc, nếu một người không hài lòng với kết quả giải quyết ở cấp 1 có thể đưa vụ việc lên cấp tiếp theo.

Thể chế	Vai trò
Tòa án nhân dân	Tòa án địa phương có các cấp: Huyện Tỉnh Tòa án tối cao Nếu một bên chưa hài lòng với quyết định phán xử ở một cấp nào đó, họ có quyền gửi đơn kháng cáo lên tòa án cấp cao hơn
Tòa án sơ thẩm cấp 1 và cấp 2 và thẩm phán tòa án sơ thẩm	Trong trường hợp có tranh chấp, tòa án nhân dân sẽ tổ chức hòa giải. Nếu hòa giải không thành công, sẽ mở tòa án sơ thẩm. Nếu có kháng cáo bản án sơ thẩm/quyết định sơ thẩm, sẽ tổ chức phiên tòa phúc thẩm (chủ thể kháng nghị phúc thẩm: trách nhiệm của cơ quan Tòa án, viện kiểm sát) để xem xét lại vụ việc. Xét xử phúc thẩm được tiến hành bởi: Tòa án nhân dân tỉnh- cấp trên trực tiếp của tòa án xét xử sơ thẩm.
Tòa án tối cao	Là bậc cao nhất để xử các vụ kiện cáo, tranh chấp khi có đơn kháng án về kết quả xử án/quyết định của tòa án cấp dưới (tòa thượng thẩm).

Tài liệu đọc 11: Thực hành đóng vai (Bài tập lựa chọn)

Đây là một câu chuyện về hai vợ chồng – chị Oanh và anh Bảo – và về việc một TNV đã giúp họ như thế nào. Hai người đã kết hôn được 10 năm nhưng rồi anh Bảo đã đuổi chị Oanh ra khỏi nhà vì chị không sinh được con. Chị Oanh sau đó đã gặp anh Lê, là một TNV của thôn.

Để đóng vai, bạn cần một học viên nữ và 2 học viên nam đóng vai. Họ không nhất thiết phải đối thoại chính xác những lời thoại đưa ra trong kịch bản dưới đây, nhưng họ cần bám theo nội dung câu chuyện và các ý chính liên quan tới cuộc hôn nhân.

Vở kịch kéo dài khoảng 20 phút. Bạn hoàn toàn có thể rút ngắn vở kịch hoặc kéo dài hơn khi cần thiết.

Sau khi vở kịch kết thúc, hãy hỏi lớp về suy nghĩ của họ về câu chuyện và những nhân vật trong câu chuyện. Hãy đảm bảo để học viên nào cũng có cơ hội chia sẻ ý kiến. Bạn có thể chỉ định những học viên ít nói trả lời câu hỏi của bạn và khuyến khích họ tham gia thảo luận nhiều hơn.

Dưới đây là các câu hỏi mà bạn có thể hỏi để dẫn dắt thảo luận, và tạo cơ hội để học viên học hỏi về những điều qui định trong luật pháp. Một số câu hỏi có phương án trả lời ngắn gọn và nguồn tham khảo thông tin.

Cộng tác viên Bình đẳng giới [TNV]

- Vai trò của TNV là gì? Người này có thể làm gì để giúp chị Oanh và anh Bảo? Người này không thể làm gì?
- TNV có thể giúp những vấn đề gì khác nữa không?

Tài sản

- Chị Oanh và anh Bảo có thể có tài sản chung hay không? [Có. Trích dẫn Hiến pháp, Luật Đất đai và Luật HNGĐ]

- Chị Oanh có thể có tài sản riêng hay không? [Có. Trích dẫn Hiến pháp, Luật Đất đai và Luật HNGĐ]
- Nếu chị Oanh và anh Bảo ly thân, Anh/chị có nghĩ là chị Oanh cần phải được chia phần đất và gia súc hay không? Tại sao có /tại sao không?
- Giả sử chị Oanh đã đi bán xôi và bán khoai ở chợ và chị dùng tiền đó để mua gà và mua bò để nuôi. Anh/chị có nghĩ là chị Oanh cần được chia một phần đất và gia súc hay không? Tại sao có /tại sao không?

Thách cưới

- Anh/chị có nghĩ rằng cha mẹ chị Oanh sẽ chấp nhận nếu chị Oanh quay trở về gia đình? Tại sao có /tại sao không?
- Anh/chị có nghĩ là cha mẹ chị Oanh sẽ trả lại số tiền thách cưới hay không? Anh/chị có nghĩ là họ muốn trả lại hay không?
- Anh/chị có nghĩ rằng cha mẹ cô dâu cần phải trả lại số tiền thách cưới nếu như cuộc hôn nhân chấm dứt hay không? Tại sao có /tại sao không?
- Anh/chị suy nghĩ gì về việc thách cưới? Đó có phải là ý hay không? Tại sao có /tại sao không?

Kết hôn, Ly thân, Ly hôn

- Các loại hình kết hôn nào được công nhận là hợp pháp ở Việt Nam?
- Sự khác nhau giữa ly thân và ly hôn là gì? [Tham khảo phần “Ly thân và Ly hôn” ở phần trước trong Hợp phần này]
- Các bước tiến hành thủ tục ly hôn theo pháp luật như thế nào? [Tham khảo Tài liệu đọc 4]

- Các bước tiến hành thủ tục ly hôn theo luật tục như thế nào? [Tham khảo Tài liệu đọc 5]
- Ai quyết định việc chia tài sản khi hai vợ chồng ly hôn? [tòa án, hay dòng họ, tùy thuộc vào loại hình kết hôn]
- Một người nam giới có thể ly dị vợ mình hay không? [Có]
- Một người phụ nữ có thể ly dị chồng mình hay không? [Có]
- Giả sử chị Oanh và anh Bảo chỉ cần gặp những người lớn/cao tuổi trong gia đình để quyết định việc họ ly dị.
 - Nếu những người lớn quyết định việc ly hôn của họ và quyết định toàn bộ tài sản thuộc về chị Oanh, họ có làm theo các qui định của pháp luật hay không? [Không] Liệu khi đó anh Bảo có quyền đưa ra tòa xử kiện hay không? [Có]
 - Nếu những người lớn quyết định việc ly hôn của họ và quyết định toàn bộ tài sản thuộc về anh Bảo, họ có làm theo các qui định của pháp luật hay không? [Không] Liệu khi đó chị Oanh có quyền đưa ra tòa xử kiện hay không? [Có]

Hỏi chung

- Anh/chị nghĩ là chị Oanh và anh Bảo sẽ làm gì?

[Chúng tôi xin cảm ơn Francisca Cherukut và Le Satya của Hiệp hội Cộng tác viên pháp lý và Jude Okumu [dự án MIFUMI] đã xây dựng phần đóng vai này – đây là một phần trong chương trình Hội thảo về Các cộng tác viên pháp lý cho phụ nữ tại cộng đồng và Các quyền tài sản của phụ nữ do ICRW & và Liên minh Đất đai Uganda ULA tổ chức vào tháng 11/ 2008.]

[Oanh đang quét nhà]

Bảo: *[tức giận]* Oanh lại đây!

Oanh: vâng, anh bảo gì em.

Bảo: cô ngồi xuống

[Oanh ngồi]

Bảo: Cô đang làm gì trong nhà của tôi? Cô đang làm gì ở đây?

Oanh: Có việc gì thế anh?

Bảo: Hôm nay tôi bảo cho cô biết, nếu cô không đẻ một thằng cu cho tôi, cô phải bước ra khỏi đây, cô rõ chưa?

Oanh: nhưng...

Bảo: Trong làng trong xóm, ở bưu điện người ta đang bàn tán về tôi đây này. Họ bảo tôi là thằng đàn!

Oanh: Nhưng anh ơi, anh cũng biết là em mong có con như thế nào,... lỗi tại mình em hay sao?

Bảo: *[quát Oanh]* Thế cô đang làm gì ở nhà tôi? Việc của cô là dọn dẹp nhà cửa, nấu ăn cho tôi, và đẻ con cho tôi. Tôi đã phải trả bao nhiêu tiền để lấy cô về để làm gì? Nhà cô đòi nào bò, nào gạo, nào rượu, lợn ròi 10 triệu đồng. Tôi lấy cô về để cô đẻ con. Cô đã làm được gì nào? Đồ ăn hại. Đây là nhà của tôi. Không làm được gì thì cút. Tôi không muốn nhìn thấy mặt cô. Cút ngay. *[đuổi vợ ra]*

[Oanh chạy ra ngoài]

Oanh: *[khóc]* Tôi phải làm sao bây giờ? Tôi biết đi đâu? Sao số tôi khổ thế này. Nhất định là cha mẹ tôi sẽ khổ nếu thấy tôi quay về. Nếu họ đòi lại tiền thì cha mẹ lấy đâu ra, họ lấy đâu ra mà trả bò, trả tiền.

[Lê đi qua và thấy Oanh đang khóc.]

Lê: Chị Oanh, chuyện gì vậy? tôi thấy chị đang khóc. Chị gặp chuyện gì à?

Oanh: em có quá nhiều chuyện.

Lê: Không sao. Chị đừng khóc nữa. Có thể tôi giúp chị được gì đó. Chị ngồi đây và hãy kể cho tôi nghe xem chuyện gì xảy ra. Chúng ta ain chẳng có vấn đề và chúng ta có thể giúp nhau được mà.

Oanh: Em đang gặp vấn đề khó anh ạ. Chồng em, anh Bảo, chúng em cưới đã 10 năm rồi mà em vẫn chưa sinh được đứa nào cho anh ấy. Anh ấy đang đòi đuổi em đi vì em không biết đẻ. Em đang không biết làm thế nào. Em đi thì sẽ phải đi tay trắng mà em cũng không biết đi đâu bây giờ.

Cha mẹ em đã nhận tiền của người ta, làm sao em về đó được nữa. Em ở nhà anh ấy đã 10 năm, em cấy cây, nuôi gà nuôi lợn. Nếu anh ấy đuổi em đi thì anh ấy sẽ chẳng cho em cái gì.

Lê: Thế chị có biết tôi là TNV hay không? Chị có biết TNV là gì không?

Oanh: Không ạ. Em không biết bác đang làm việc đó. Em chỉ biết bác công tác ở xã, ở xóm thôi.

Lê: Tôi tên là Lê, tôi là một TNV. Đó là người giúp những người khác giải quyết xung đột, và nói cho mọi người hiểu về luật pháp. Tôi có thể giúp chị hiểu về quyền của mình. Chị có biết về quyền con người hay không?

Oanh: Không ạ.

Lê: Khi có người đến và muốn lấy đi những thứ thuộc về chị, hoặc muốn làm tổn thương chị, họ đã xâm phạm quyền của chị.

Oanh: Thế bác sẽ giúp em như thế nào ạ?

Lê: Chị không phải là người đầu tiên gặp chuyện này. Chúng tôi đã giúp các chị em phụ nữ và các anh em, cũng như nhiều gia đình gặp vấn đề tương tự bằng cách trò chuyện, tâm sự với họ và tư vấn cho họ. Vấn đề nào cũng có cách giải quyết mà.

Tôi nghĩ là có thể giúp chị được nếu chị kể thêm cho tôi về vấn đề của chị. Tôi có thể về nhà cùng chị và nói chuyện với anh ấy xem thế nào. Liệu chị có thể tự do về nhà và nói chuyện với anh ấy hay không? Liệu anh ấy có đánh chị sau khi tôi ra về hay không?

Oanh: Anh ấy giờ đang hung dữ lắm, như người điên. Nhưng em nghĩ anh ấy sẽ không dám làm gì nếu bác có ở đó. Bác là làm ở xã về việc gì ạ? Bác có phải là công an không?

Lê: Không, tôi không phải là cán bộ xã, không phải công an. Nhưng tôi làm việc với chính quyền xã và với công an để giải quyết các vấn đề của người dân trong xã. Tôi làm việc này tự nguyện thôi.

[Lê và Oanh quay trở lại nhà của Oanh.]

Bảo: Cô còn vắc mặt về làm gì! Cô còn dẫn theo thằng nào về đây!

Oanh: Anh cứ bình tĩnh, anh đừng mắng em Anh hãy nghe đã.

Bảo: [quát to] Tôi đã bảo cô không được quay về

cho tới khi cô để được con cho tôi. Bây giờ còn dẫn điệu về nhà. Cút ngay! Còn ông, ông đến đây làm gì?

Lê: Xin anh bình tĩnh. Anh không phải cáu, phải lo lắng gì với tôi. Tôi không phải là công an hay gì cả. Tôi chỉ muốn nói với anh và vợ một vài câu chuyện. Tôi đang đi về nhà, tình cờ gặp vợ anh đang khóc và tôi tự hỏi không biết chuyện gì xảy ra. Mình là xóm giềng với nhau thì cần giúp nhau. Cô ấy là vợ anh, tôi biết cuộc sống vợ chồng đôi lúc cũng có sóng gió. Bát đĩa còn có khi xô nữa là.

Bảo: Con vợ tôi nó ngu lắm, tôi phải đuổi nó ra khỏi nhà. 10 năm rồi mà nó không đẻ lấy được một đứa. Làm sao mà tôi có được đứa con trai bây giờ.

Lê: Người này có phải là chồng cô không vậy?

Oanh: Đây là chồng em. Chúng em cưới được 10 năm rồi. Anh ấy gặp em rồi tìm đến nhà em thưa chuyện với cha mẹ, đòi cưới em bằng được. Em vẫn còn giữ giấy đăng ký kết hôn đây này.

Bảo: Làm sao mà tôi lại lấy nó cơ chứ? Nó chẳng làm được việc gì ra hồn, lại còn không biết đẻ. Nó vô dụng. Dòng họ nhà tôi cần đồ vô dụng này làm gì. Hai người bước ngay khỏi nhà tôi.

Oanh: Em đã làm việc vất vả cho nhà anh ấy suốt 10 năm trời. Chúng em còn mua thêm được hai mảnh đất.

Bảo: [quát to] Cô đã làm được gì cho nhà tôi? Chẳng làm được gì hết. Đất tôi mua, sổ đỏ tên tôi. Nhà do ông tôi để lại. Cô đi làm ruộng để nuôi sống cô. Lợn, gà, bò cũng là tôi đi mua về. Các thứ trong nhà này là của tôi. Cô chẳng có gì cả. Cô đến đây tay không.

Lê: [bình tĩnh] Tôi muốn khuyên anh vài điều.

Bảo: Điều tốt nhất mà ông làm được là mang cô ta đi cho khuất mắt tôi.

Lê: Tôi chỉ muốn nói với anh là hiện nay trong thôn có những người như tôi và chúng tôi muốn giúp các gia đình gặp vấn đề như gia đình anh giải quyết vấn đề của mình. Chúng tôi chỉ muốn giúp gia đình giải quyết vấn đề, nếu gia đình muốn. Thậm chí nếu anh chưa muốn giúp, tôi cũng muốn nói để anh biết về những qui định của luật pháp và những nơi mà vợ anh có thể đến. Cần phải làm gì

đó để giải quyết vấn đề của 2 người.

Bảo: Được rồi. Ông ngồi xuống đây. Ông hãy nói cho tôi nghe xem luật nói gì. Nếu ông nói luật cho phép cô ta rời khỏi nhà tôi, và nếu cô ta rời đi luôn thì tôi thật biết ơn luật.

Lê: Thế khi anh cưới vợ, anh có đăng ký kết hôn không?

Bảo: Tôi cưới nó về. Tôi đã phải trả bao nhiêu là tiền. Cha mẹ nó đòi tôi nào bò, nào lợn, rượu, gà, đủ thứ. Đòi gì là tôi mang đến nộp đủ.

Lê: Thế là anh chị chỉ tổ chức cưới thôi hả? Vẫn có thách cưới theo tục lệ à? Nhưng cô Oanh nói là đã có giấy đăng ký kết hôn nữa mà. Nếu muốn bỏ nhau, hai người phải làm đơn xin ly hôn ra tòa.

Bảo: Tôi chỉ biết tôi đã phải chi rất nhiều tiền để cưới nó thì nó là của tôi, nó thuộc về tôi. Nó ở nhà của tôi. Nếu tôi không thích tôi có quyền đuổi nó đi.

Oanh: Nhưng từ khi em về nhà anh, em cũng đã làm việc vất vả. Em cũng đưa anh tiền mua bò, mua lợn, gà, rồi thêm tiền để anh mua đất.

Bảo: Sao, cô còn kể công à? Tôi đã bỏ ra rất nhiều tiền cho cha mẹ cô. Cô về đây sống thì cô phải làm việc chứ. Không nhẽ cô về đây rồi ngồi không để tôi đi làm nuôi cô nữa hay sao? Việc chính là đẻ con thì cô không làm được.

Lê: Để tôi cho anh biết thêm thông tin, để anh có thể làm theo đúng qui trình, thủ tục. Nếu anh môn ly hôn với vợ, anh phải làm đơn nộp tòa và giải thích rõ nguyên nhân tại sao anh lại muốn ly dị vợ anh.

Bảo: Tốt thôi, thế cũng tốt. Tôi sẽ làm vậy.

Lê: Luật không chỉ dành cho người vợ. Luật là cho tất cả mọi người. Nếu anh đưa ra lý do thật chính đáng thì tòa sẽ xử cho anh ly dị vợ. Nếu tòa phán quyết ly dị, thì tài sản của vợ chồng phải chia làm hai. Anh có phần tài sản, vợ anh cũng có phần tài sản. Tòa có thể sẽ quyết định như thế.

Bảo: Giờ tôi hiểu ý ông rồi. Tôi sẽ nói ông biết tôi có thể làm gì. Tôi sẽ chia một phần đất mua cho cô ta, thế là xong. Cô ta có thể lấy phần đất đó để sinh sống và để tôi yên, Như thế được chưa?

Lê: Tôi không phải là quan tòa. Tôi không thể quyết định việc này. Tòa sẽ quyết định sau khi xem xét lý do anh ly hôn. Nhưng tôi muốn khuyên anh hãy dành thời gian cùng với vợ xem lại vấn đề để cùng giải quyết thỏa đáng trước khi anh làm bất cứ điều gì. Chúng tôi sẽ quay lại và cùng gia đình trao đổi thêm về quyết định của mỗi người. Tôi muốn khuyên anh thêm là nếu anh chị không thể tự giải quyết được vấn đề giữa hai người, cô ấy có thể tự đưa đơn lên tòa.

Thế ngày mai tôi lại đến gia đình, khi đó anh chị đã có thời gian suy nghĩ thêm xem làm như thế nào cho tốt nhất. Nhưng đến lúc đó, anh cứ để chị ở lại nhà, hoặc chị có thể sang nhà bạn bè, xóm giềng ngủ để bình tĩnh lại.

Oanh và Bảo: Cảm ơn bác. Ngày mai gặp lại bác./.

HẾT

TRUNG TÂM NGHIÊN CỨU QUỐC TẾ VỀ PHỤ NỮ (ICRW)

Trụ sở chính

Washington, D.C. Headquarters
1120 20th St NW
Suite 500 North
Washington, D.C. 20036
tel: 202.797.0007
fax: 202.797.0020
E: info@icrw.org

Văn phòng khu vực Châu Á

C – 59, South Ext, Part II
New Delhi, India - 110049
tel: 91.11.4664.3333
fax: 91.11.2463.5142
E: info.india@icrw.org

Văn phòng Dự án tại Mumbai - Ấn Độ

101-102, 1st Floor, C – Wing, Mangalmurti Complex
Chikuwadi, Mankhurd
Mumbai, India – 400043
tel: 91.22.2550.5718 or 5719
E: info.india@icrw.org

Văn phòng khu vực Châu Phi

ABC Place
Waiyaki Way, Westlands
P.O. Box 20792, 00100 GPO
Nairobi, Kenya
tel: 254.20.2632012
E: info@icrw.org

VIỆN NGHIÊN CỨU PHÁT TRIỂN XÃ HỘI (ISDS)

Phòng 1804, tầng PH, tòa nhà The Garden
Đường Mễ Trì, Quận Từ Liêm, Thành phố Hà Nội, Việt Nam
Điện thoại: 84.4.37820058
Fax: 84.4.37820059
Email: isdsvn@isds.org.vn
Website: www.isds.org.vn